

530 CÂU HỎI ÔN TẬP MÔN CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

I/ PHẦN CÂU HỎI LỰA CHỌN

Hướng dẫn: Trong từng câu hỏi, chỉ chọn một câu trả lời mà theo bạn là đúng.
















- Một định nghĩa (về văn hoá) tiếp cận nội dung văn hoá cả về bình diện vật thể-phi vật thể và bình diện vật chất-tinh thần, đó là định nghĩa của tác giả:
 - Phan Ngọc
 - Hồ Chí Minh
 - Từ Chi
 - Trần Quốc Vượng
- Phương Đông (văn hoá) thoát đầu là một khu vực gồm:
 - Châu Á, châu Phi
 - Châu Á, châu Âu
 - Chỉ mỗi Châu Á
 - Chỉ vùng Đông Á
- Các dân tộc Việt Nam tôn thờ lực lượng tự nhiên là do thế lực này đã có tác động trực tiếp đến:
 - Nghề nghiệp của họ
 - Tuổi thọ của họ
 - Sức khoẻ của gia đình họ
 - a, c đều sai
- Môi trường tự nhiên đang bị đe dọa là do:
 - Con người đang theo đuổi nền công nghiệp có nhiều khí thải
 - Núi lửa hoạt động bất thường và nạn cháy rừng quy mô lớn
 - Con người thiếu tôn trọng tự nhiên, chưa bảo vệ tốt hệ sinh thái
 - Con người thải ra môi trường nhiều thứ chứa hoá chất độc hại
- Trong tâm thức người Việt Nam, các đối tượng được tôn thờ đa số là:
 - Nam thần
 - Nữ thần
 - Các loài linh vật hoá thân
 - Các thượng đẳng thần
- Loại hình văn hoá gốc nông nghiệp hay gốc du mục được xác định dựa trên:
 - Những sự kiện lịch sử - xã hội - kinh tế
 - Những đặc điểm về nhân chủng
 - Môi trường địa lý và điều kiện sinh sống
 - Mối quan hệ với các dân tộc khác nhau
- Ranh giới phương Tây và phương Đông (văn hoá) chủ yếu được xác định dựa trên:
 - Sự phân cách do điều kiện địa lý tự nhiên và lịch sử phát triển nhân loại
 - Sự khác nhau về chủng tộc, màu da
 - Sự lan truyền theo khu vực của tôn giáo
 - Sự khác nhau về trình độ phát triển khoa học kỹ thuật
- Tiêu chí phổ quát để nhận diện loại hình văn hoá là dựa vào những yếu tố kinh tế-xã hội và văn hoá.
 - Đúng
 - Sai
- Cung cách sống của cư dân trồng lúa nước hình thành kiểu quan hệ xã hội:
 - Coi trọng cá nhân và người cao tuổi
 - Coi trọng tập thể và người cao tuổi
 - Coi trọng cá nhân và người trẻ tuổi
 - Coi trọng tập thể và người trẻ tuổi
- Người ta không thể tìm thấy loại hình văn hoá du mục ở khu vực phương Đông.
 - Đúng
 - Sai
- Cách suy luận của người Việt thuộc dạng tư duy:

- a) Tổng hợp
 - b) Phân tích
 - c) Siêu hình
 - d) a và b sai
12. Cách suy luận của người Việt thuộc dạng tư duy tổng hợp.
- a) Đúng
 - b) Sai
13. Sự khác biệt giữa "văn hiến" và "văn vật" chủ yếu về:
- a) Bình diện giá trị và phi giá trị
 - b) Bình diện vật chất và phi vật chất
 - c) Bình diện lô gíc và phi lô gíc
 - d) Cả 3 đều sai
14. Văn vật bao gồm những công trình, hiện vật có giá trị lịch sử và những danh nhân.
- a) Đúng
 - b) Sai
15. Văn hoá là những sản phẩm được tạo ra do con người và do các hiện tượng tự nhiên
- a) Đúng
 - b) Sai
16. Văn minh là những nét đẹp về tâm hồn, trí tuệ, phẩm cách của dân tộc đã được nâng lên thành giá trị tinh thần và mang tính truyền thống.
- a) Đúng
 - b) Sai
17. Một định nghĩa (về văn hoá) tiếp cận nội dung văn hoá theo hướng nghiên cứu mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng và thế giới thực tại, đó là định nghĩa của tác giả:
- a) Phan Ngọc
 - b) Hồ Chí Minh
 - c) Từ Chi
 - d) Trần Quốc Vượng
18. Một định nghĩa (về văn hoá) xem văn hoá là hệ thống giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra, đó là định nghĩa của tác giả:
- a) Phan Ngọc
 - b) Trần Ngọc Thêm
 - c) Trần Quốc Vượng
 - d) Cả 3 đều sai
19. " Văn minh" là khái niệm:
- a) Phản ánh những thành tựu về mặt vật chất có ý nghĩa dân tộc
 - b) Phản ánh những thành tựu về mặt tinh thần có ý nghĩa nhân loại
 - c) Phản ánh những thành tựu về mặt vật chất lẫn tinh thần có ý nghĩa nhân loại
20. " Văn minh" là khái niệm phản ánh những thành tựu về mặt vật chất không có ý nghĩa nhân loại
- a) Đúng
 - b) Sai
21. Chủng Nam Á còn có tên gọi khác là chủng:
- a) Bách Việt
 - b) Indonesien
 - c) Austronesien
 - d) Australoid
22. Các tộc người: Môn-Khơ me, Việt-Mường, Tày-Thái, Mèo-Đao, Chàm,... thuộc chủng Nam Á.
- a) Đúng
 - b) Sai
23. Các tộc người: Môn-Khơ me, Việt-Mường, Tày-Thái, Mèo-Đao, ... thuộc chủng:
- a) Nam Á
 - b) Austronesien
 - c) Australoid
 - d) Indonesien
24. Chủng Indonesien gồm các tộc: Chàm, Raglai, Êđê, Chru, ...

- a) Đúng
b) Sai
25. Các tộc người ở phía Bắc Việt Nam đa số thuộc chủng:
a) Indonesien cổ đại
b) Bách Việt
26. Các tộc người: Chàm, Raglai, Êđê, Chru,...thuộc nhóm:
a) Austronesien
b) Australoid
c) Indonesien
d) Austro-Asiatic
27. Chủng Austronesien có được là do sự hoà huyết giữa Indonesien với chủng:
a) Australoid
b) Mongoloid
28. Văn hoá Việt với những giai đoạn nối tiếp gồm:
a) Đông Sơn -> Đại Nam -> Đại Việt -> Việt Nam
b) Đông Sơn -> Đại Việt -> Đại Nam -> Việt Nam
c) Đông Sơn -> Việt Nam -> Đại Việt -> Đại Nam
d) Cả 3 đều sai
29. Văn hoá Việt với những giai đoạn nối tiếp: Đông Sơn -> Đại Việt -> Đại Nam -> Việt Nam
a) Đúng
b) Sai
30. Văn hoá Việt với những sự chuyển tiếp từ:
a) Sơn Vi -> Đông Sơn -> Hoà Bình
b) Núi Đọ -> Sơn Vi -> Hoà Bình -> Đông Sơn
c) Núi Đọ -> Hoà Bình -> Đông Sơn
d) Sơn Vi -> Núi Đọ -> Đông Sơn -> Hoà Bình
31. Các giai đoạn của tiến trình văn hoá Việt Nam gồm:
a) Văn Lang, Âu Lạc, chống Bắc thuộc, Đại Việt, Đại Nam, hiện đại
b) Tiền sử, Văn Lang, Âu Lạc, chống Bắc thuộc, Đại Việt, Đại Nam
c) Văn Lang, Âu Lạc, chống Bắc thuộc, Đại Việt, Đại Nam, Giao lưu với phương Tây
d) Tiền sử, Văn Lang - Âu Lạc, chống Bắc thuộc, Đại Việt, Đại Nam, hiện đại
32. Các giai đoạn của tiến trình văn hoá Việt Nam gồm : Tiền sử, Văn Lang, Âu Lạc, chống Bắc thuộc, Đại Việt, hiện đại.
a) Đúng
b) Sai
33. Văn minh Văn Lang Âu Lạc thuộc thời kỳ:
a) Đồ đá cũ
b) Đồ đồng
c) Đồ sắt
d) Đồ đá, đồ đồng, đồ sắt
34. Không gian văn hoá phương Nam cổ đại thuộc vùng:
a) Lưu vực sông Hoàng Hà
b) Lưu vực sông Dương Tử
c) Lưu vực các sông: Hoàng Hà và Dương Tử
35. Không gian văn hoá phương Nam cổ đại thuộc vùng lưu vực các sông: Hoàng Hà và Dương Tử.
a) Đúng
b) Sai
36. Không gian văn hoá phương Nam (Đông Nam Á cổ đại) thuộc vùng:
a) Lưu vực sông Dương Tử
b) Lưu vực các sông: Dương Tử, sông Hồng, sông Mã, ven biển miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long
c) Lưu vực các sông: Hoàng Hà, Dương Tử, sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long
37. Các nền văn minh phương Đông cổ đại thường được nhắc đến là:
a) Ai cập, Ấn Độ, Jerusalem, Trung Hoa
b) Ai cập, Lưỡng Hà, Jerusalem, Trung Hoa

- c) Ai cập, Lưỡng Hà, Mac ca, Trung Hoa
d) Cả 3 đều sai
38. Các nền văn minh phương Đông cổ đại thường được nhắc đến là:
a) Ai cập, Lưỡng Hà, Mac ca, Trung Hoa
b) Ai cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa
c) Ai cập, Jerusalem, Mac ca, Trung Hoa
d) Ai cập, Lưỡng Hà, Jerusalem, Trung Hoa
39. Văn hoá Việt Nam có thể chia làm 3 lớp: lớp văn hoá giao lưu với Trung Hoa, lớp văn hoá giao lưu với khu vực Đông Nam Á, lớp văn hoá giao lưu với phương Tây.
a) Đúng
b) Sai
40. Văn hoá Đại Việt thuộc lớp văn hoá nào dưới đây:
a) Bản địa
b) Giao lưu phương Tây
c) Giao lưu Trung Hoa
d) Cả 3 đều sai
41. Văn hoá Đại Nam thuộc lớp văn hoá nào dưới đây:
a) Bản địa
b) Giao lưu Trung Hoa
c) Giao lưu khu vực
d) Giao lưu phương Tây
42. Văn hoá Văn Lang-Âu Lạc thuộc lớp văn hoá dưới đây:
a) Bản địa
b) Giao lưu Trung Hoa và khu vực
c) Cả 2 đều sai
43. Giai đoạn văn hoá nào dưới đây có đặc điểm: ngôn ngữ truyền miệng trở thành công cụ chính yếu bảo lưu và chuyển giao văn hoá dân tộc.
a) Giai đoạn Văn Lang-Âu Lạc
b) Giai đoạn chống Bắc thuộc
c) Giai đoạn Đại Việt
d) Cả 3 đều sai
44. Giai đoạn văn hoá Đại Nam có đặc điểm: ngôn ngữ truyền miệng trở thành công cụ duy nhất bảo lưu và chuyển giao văn hoá dân tộc.
a) Đúng
b) Sai
45. Văn hoá thời kỳ Lý-Trần và Lê được gọi là văn hoá:
a) Đại Nam
b) Chống Bắc thuộc
c) Đại Việt
46. Văn hoá thời kỳ nhà Nguyễn được gọi là văn hoá:
a) Đại Nam
b) Đại Việt
c) Bắc thuộc
47. Trong đời sống tâm linh, người Tây Bắc coi trọng, tôn thờ:
a) Thần nước
b) Thần mặt trời
c) Thần đá
d) Cả 3 đều sai
48. Trong đời sống tâm linh, người Tây Bắc coi trọng, tôn thờ:
a) Thần mặt trời
b) Thần đá
c) Thần đất
d) Cả 3 đều sai
49. Hình tượng con thồng luồng trong đời sống tâm linh người Tây Bắc là biểu tượng của:
a) Thần nước

- b) Thần mặt trời
 c) Thần núi
 d) Cả 3 đều sai
50. "Tiễn dặn người yêu" và "Tiếng hát làm dâu" là hai truyện thơ tiêu biểu của vùng văn hoá:
 a) Việt Bắc
 b) Tây Bắc
 c) Tây Nguyên
 d) Cả 3 đều sai
51. Những điệu múa truyền thống của cư dân Việt Bắc được gọi là Xoè
 a) Đúng
 b) Sai
52. Hội Lồng Tồng là sinh hoạt truyền thống của cư dân vùng:
 a) Việt Bắc
 b) Tây Bắc
 c) Tây Nguyên
 d) Cả 3 đều sai
53. Vải chàm là loại vải được dùng rộng rãi ở vùng:
 a) Bắc Bộ
 b) Tây Bắc
 c) Trung Bộ
 d) Cả 3 đều sai
54. Đặc điểm của vùng văn hoá Bắc Bộ là:
 a) Văn học dân gian và văn học bác học giữ vai trò quan trọng trong nền văn hoá Việt Nam
 b) Chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ một cách rõ rệt
 c) Có một số lượng trường ca phong phú và đa dạng
 d) Cả 3 đều sai
55. Đặc điểm của vùng văn hoá Bắc Bộ là:
 a) Kế thừa và phát triển văn hoá Đông Sơn và Sa Huỳnh
 b) Văn hoá Việt với những giai đoạn Đông Sơn, Đại Việt, Việt Nam nối tiếp phát triển
 c) Có thể loại hát sắc bùa độc đáo
 d) Cả 3 đều sai
56. Giàng có vị trí cao nhất trong đời sống tâm linh của người:
 a) Việt Bắc
 b) Tây Bắc
 c) Tây Nguyên
 d) Cả 3 đều sai
57. Thần Luá trở thành trung tâm lễ hội nông nghiệp của cư dân:
 a) Vùng châu thổ sông Hồng
 b) Miền núi phía Bắc và Tây Nguyên
 c) Vùng núi Thất Sơn Nam Bộ
 d) Đồng bằng sông Cửu Long
58. Triết lý Âm Dương cho rằng vạn vật đều vừa có âm vừa có dương.
 a) Đúng
 b) Sai
59. Muốn xác định thuộc tính âm dương của một đối tượng nào đó phải dựa vào:
 a) Riêng chính nó
 b) So sánh, đối chiếu với đối tượng khác
 c) Xem xét từng tiêu chí cụ thể
 d) a và c đều sai
60. Muốn xác định thuộc tính âm dương của một đối tượng nào đó phải dựa vào:
 a) Bát Quái
 b) Ngũ Hành
 c) Hà Đồ và Lạc Thư
 d) Cả 3 đều sai
61. Mô hình Tam Tài gồm: Thiên - Nhân - Địa

- a) Đúng
b) Sai
62. Mô hình Tam Tài gồm:
a) Thiên - Địa - Nhân
b) Thiên - Địa - Mộc
c) Thiên - Địa - Thủy
d) a và b đều sai
63. Tam Tài đặt con người ở vào vị thế:
a) Là một "nguyên lực" không chịu sự tác động của tự nhiên
b) Là một "nguyên lực" không có mối quan hệ thống nhất với tự nhiên
c) Là một "nguyên lực" không có thể làm thay đổi sự sống trên quả đất
d) Cả 3 đều sai
64. Quan niệm cho rằng "nhân thân tiểu vũ trụ", "thiên địa nhân hợp nhất" có liên quan đến Tam Tài.
a) Đúng
b) Sai
65. Trong Bát Quái Tiên Thiên, quẻ đối xứng với quẻ Càn là quẻ:
a) Khảm
b) Cấn
c) Khôn
d) Đoài
66. Trong Bát Quái Tiên Thiên, quẻ đối xứng với quẻ Ly là quẻ:
a) Khảm
b) Cấn
c) Khôn
d) Đoài
67. Trong Bát Quái Hậu Thiên, quẻ đối xứng với quẻ Khảm là quẻ:
a) Chấn
b) Ly
c) Khôn
d) Đoài
68. Trong Bát Quái Hậu Thiên, quẻ đối xứng với quẻ Chấn là quẻ:
a) Chấn
b) Ly
c) Khôn
d) Đoài
69. Quẻ Khảm trong Bát Quái có cấu tạo:
a) 
b) 
c) 
70. Quẻ Ly trong Bát Quái có cấu tạo:
a) 
b) 
c) 
71. Quẻ Tốn trong Bát Quái có cấu tạo:
a) 
b) 
c) 
72. Quẻ Càn trong Bát Quái có cấu tạo:
a) 
b) 
c) 
73. Quẻ Khôn trong Bát Quái có cấu tạo:
a) 
b) 
c) 

74. Cấu tạo của đồ hình Bát Quái thường treo trước nhà của một bộ phận dân cư:
- Chỉ có 8 quẻ đơn
 - Chỉ có đồ hình âm dương
 - 8 quẻ đơn và đồ hình âm dương
 - 8 quẻ kép và đồ hình âm dương
75. Ở Việt Nam trước đây, Bát Quái được tâng lớp nào dưới đây thường dùng:
- Quan lại và thị dân
 - Quan lại và nông dân
 - Quan lại và thợ thủ công
76. 64 quẻ là loại quẻ có đặc điểm:
- Mỗi quẻ có 2 hào cảm ứng nhau
 - Mỗi quẻ có 3 hào cảm ứng nhau
 - Mỗi quẻ có 6 hào cảm ứng nhau
 - Cả 3 đều sai
77. Các quẻ trong Kinh Dịch thuộc loại quẻ:
- Quẻ đơn
 - Quẻ kép
 - Quẻ đơn kết hợp quẻ kép
 - b và c đều sai
78. Đồ hình âm dương hiện đại gồm:
- Bát Quái có đồ hình âm dương
 - Thái âm, Thiếu dương, Thái dương, Thiếu âm
 - 8 quẻ đơn
 - Hình tròn chia 2 phần âm dương rõ ràng
79. Đồ hình âm dương hiện đại gồm:
- Hình tròn chia 2 phần âm dương rõ ràng
 - Luỡng nghi
 - Tứ tượng
 - 8 quẻ kép
80. Giữa Âm và Dương có mối quan hệ:
- Đối lập, tách rời
 - Đối lập, qua lại
 - Đối lập, đứng yên
 - Đối lập, tiêu diệt
81. Theo triết lý Âm Dương, mặt trời vừa có âm vừa có dương.
- Đúng
 - Sai
82. Theo triết lý Âm Dương, phần âm bao giờ cũng lớn hơn phần dương.
- Đúng
 - Sai
83. Theo triết lý Âm Dương, tỷ lệ giữa dương và âm là:
- $3/2$
 - $2/3$
 - $1/1$
 - Cả 3 đều sai
84. Ngũ Hành gồm: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ
- Đúng
 - Sai
85. Mỗi Hành bao gồm nhiều yếu tố cùng bản chất.
- Đúng
 - Sai
86. Mỗi Hành được biểu thị bằng một loại vật chất cụ thể. Thí dụ : Thổ là đất, Thủy là nước,
- Đúng
 - Sai
87. Chuỗi quan hệ nào dưới đây đúng với quan hệ tương sinh trong Ngũ Hành:

- a) Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ
b) Mộc sinh Thổ, Thổ sinh Thủy, Thủy sinh Kim
c) Thổ sinh Thủy, Thủy sinh Kim, Kim sinh Mộc
d) Cả 3 đều sai
88. Chuỗi quan hệ nào dưới đây đúng với quan hệ tương khắc trong Ngũ Hành
a) Thủy khắc Hoả, Hoả khắc Mộc, Mộc khắc Thổ
b) Hoả khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ
c) Mộc khắc Hoả, Hoả khắc Thủy, Thủy khắc Thổ
d) Cả 3 đều sai
89. Chế hoá là quan hệ cân chỉnh nội tại, là khâu trọng yếu của Ngũ Hành
a) Đúng
b) Sai
90. Chế hoá là quan hệ loại trừ nội tại, là khâu trọng yếu của Ngũ Hành
a) Đúng
b) Sai
91. Trong mô hình Ngũ Hành, hành Thổ có thuộc tính vừa âm vừa dương.
a) Đúng
b) Sai
92. Theo thuyết Âm Dương, nhóm nào dưới đây có thuộc tính âm:
a) Ngắn, nhỏ, mềm, yếu, lạnh, thấp, ít
b) Ngắn, nhỏ, mềm, yếu, lạnh, thấp, nhiều
c) Ngắn, nhỏ, mềm, mạnh, lạnh, thấp, ít
d) Cả 3 đều sai
93. Theo thuyết Âm Dương, nhóm nào dưới đây có thuộc tính dương:
a) Dài, lớn, cứng, mạnh, nóng, cao, nhiều
b) Dài, lớn, mềm, mạnh, nóng, cao, nhiều
c) Dài, lớn, cứng, mạnh, lạnh, cao, nhiều
d) Cả 3 đều sai
94. Ngũ Hành là:
a) Năm yếu tố đơn lẻ, tách biệt, không có mối quan hệ nào
b) Năm chất liệu cụ thể tạo nên thế giới tự nhiên
c) Năm nhóm yếu tố có mối quan hệ với nhau
95. Hành Thủy gồm nhóm các yếu tố nào dưới đây:
a) Phương Bắc, mùa Đông, màu xanh, thế đất ngoằn ngoèo
b) Phương Bắc, mùa Đông, màu đen, thế đất ngoằn ngoèo
c) Phương Bắc, mùa Đông, màu đen, thế đất vuông vắn
96. Hành Mộc gồm nhóm các yếu tố nào dưới đây:
a) Phương Đông, mùa Đông, màu xanh, thế đất ngoằn ngoèo
b) Phương Đông, mùa Xuân, màu xanh, thế đất dài dài
c) Phương Đông, mùa Xuân, màu đen, thế đất vuông vắn
97. Hành Hoả gồm nhóm các yếu tố nào dưới đây:
a) Phương Bắc, mùa Thu, màu xanh, thế đất ngoằn ngoèo
b) Phương Nam, mùa Hạ, màu đỏ, thế đất nhọn
c) Phương Nam, mùa Hạ, màu đỏ, thế đất tròn
98. Hành Kim gồm nhóm các yếu tố nào dưới đây:
a) Phương Tây, mùa Thu, màu trắng, thế đất tròn
b) Phương Nam, mùa Thu, màu đỏ, thế đất tròn
c) Phương Tây, mùa Thu, màu trắng, thế đất nhọn
99. Hành Thổ gồm nhóm các yếu tố nào dưới đây:
a) Trung tâm, giữa các mùa, màu vàng, thế đất dài dài
b) Trung tâm, giữa các mùa, màu đỏ, thế đất tròn
c) Trung tâm, giữa các mùa, màu vàng, thế đất vuông vắn
100. Hành Thủy trong Ngũ Hành biểu thị qua:
a) Màu đỏ, con rồng
b) Màu xanh, con rùa

- c) Màu đen, con rồng
d) Màu đen, con rùa
101. Hành Hoả trong Ngũ Hành biểu thị qua:
a) Màu đen, con rùa
b) Màu xanh, con rùa
c) Màu đỏ, con rồng
d) Màu đỏ, con chim
102. Hành Kim trong Ngũ Hành biểu thị qua:
a) Màu đỏ, con rồng
b) Màu trắng, con rùa
c) Màu đen, con rồng
d) Màu trắng, con hổ
103. Hành Mộc trong Ngũ Hành biểu thị qua:
a) Màu xanh, con hổ
b) Màu xanh, con rùa
c) Màu xanh, con rồng
d) Màu đen, con rùa
104. Hành Thổ trong Ngũ Hành biểu thị qua:
a) Màu đỏ, con rồng
b) Màu vàng, con hổ
c) Màu vàng, con rùa
d) Màu vàng, con người
105. Ở vị trí hành nào để có thể điều khiển các hành còn lại:
a) Kim
b) Thổ
c) Mộc và Hoả
d) Thuỷ
106. Theo quan niệm người Việt, màu ở phương vị trung tâm có màu:
a) Đỏ
b) Vàng
c) Xanh
d) Cả 3 đều sai
107. Theo quan niệm truyền thống, màu dùng trang trí lễ hội là màu:
a) Đỏ, vàng, xanh
b) Xanh, vàng, trắng
c) Vàng, xanh, đen
d) Cả 3 đều sai
108. Theo quan niệm truyền thống, màu dùng trong tang ma là màu:
a) Vàng, đen, trắng
b) Xanh, đen, trắng
c) Đỏ, đen, trắng
d) Cả 3 đều sai
109. Năm con hổ trong tranh dân gian có năm màu là:
a) Đỏ, vàng, xanh, trắng, đen
b) Đỏ, vàng, xanh, tím, đen
c) Đỏ, vàng, xanh, trắng, xám
d) Cả 3 đều sai
110. Bốn chòm sao trên bầu trời phương Đông ứng với các Hành Thuỷ, Mộc, Hoả, Kim là:
a) Thanh Long, Chu Tước, Bạch Hổ, Hoa Cái
b) Thanh Long, Chu Tước, Thiên Lang, Huyền Vũ
c) Thanh Long, Chu Tước, Thiên Lang, Huyền Vũ
d) Cả 3 đều sai
111. Trong bốn chòm sao Thanh Long, Chu Tước, Huyền Vũ, Bạch Hổ, mỗi chòm có 9 sao.
a) Đúng
b) Sai

112. Trong bốn chòm sao Thanh Long, Chu Tước, Huyền Vũ, Bạch Hổ, mỗi chòm có 7 sao.
- Đúng
 - Sai
113. Ngũ Hành tương sinh theo thứ tự:
- Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ
 - Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ, Kim
 - Kim, Thổ, Mộc, Hỏa, Thủy
 - Thổ, Mộc, Thủy, Kim, Hỏa
114. Ngũ Hành tương khắc theo thứ tự:
- Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, Thổ
 - Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ, Kim
 - Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ
 - Hỏa, Mộc, Thổ, Thủy, Kim
115. Các quan hệ tương sinh, tương khắc là những quan hệ khác thường trong Ngũ Hành.
- Đúng
 - Sai
116. Các quan hệ tương thừa, tương vũ là những quan hệ bình thường trong Ngũ Hành.
- Đúng
 - Sai
117. Chế hoá là khâu trọng yếu của Ngũ Hành vì nó lập lại sự cân bằng cho Ngũ Hành.
- Đúng
 - Sai
118. Theo chuyển động biểu kiến của mặt trăng quanh quả đất, một tháng âm lịch có:
- 29 ngày
 - 29,53 ngày
 - 29,54 ngày
 - 30 ngày
119. Theo chuyển động biểu kiến của quả đất quanh mặt trời, một năm dương lịch có 365 ngày :
- Đúng
 - Sai
120. Nơi xuất phát lịch thuần âm là:
- Ai Cập
 - Lưỡng Hà
 - Trung Quốc
 - Đông Nam Á
121. Nơi xuất phát lịch thuần dương là:
- Ai Cập
 - Lưỡng Hà
 - Hi Lạp
 - La Mã
122. Nơi xuất phát lịch âm dương là:
- Ai Cập
 - Lưỡng Hà
 - Trung Quốc
 - Đông Nam Á
123. Trong lịch Âm Dương, các tiết trong năm thuộc:
- Âm lịch
 - Dương lịch
 - Âm Dương hợp lịch
124. Tháng nhuận âm lịch có:
- 29 ngày
 - 29,53 ngày
 - 30 ngày
 - 31 ngày
125. Trong lịch Âm Dương, các ngày trong tháng thuộc:

- a) Âm lịch
 - b) Dương lịch
 - c) Âm Dương hợp lịch
126. Trong lịch Âm Dương, các tiết trong năm thuộc:
- a) Âm lịch
 - b) Dương lịch
 - c) Âm Dương hợp lịch
127. Số ngày năm Dương lịch nhiều hơn năm Âm lịch là:
- a) 31 ngày
 - b) 21 ngày
 - c) 11 ngày
 - d) 01 ngày
128. Số lần trăng tròn trong năm nhuận của lịch Âm Dương là:
- a) 11 lần
 - b) 12 lần
 - c) 13 lần
129. Khi nào các số của năm dương lịch chia chẵn cho 4 thì năm đó là năm nhuận của:
- a) Cách tính lịch theo mặt trời
 - b) Cách tính lịch theo mặt trăng
 - c) Cách tính lịch theo sao Orion
 - d) Cả 3 đều sai
130. Khi lấy các số của năm dương lịch chia cho 19 có số dư 3, 6, 9, 11, 14, 17 thì năm đó là năm nhuận của:
- a) Cách tính lịch theo mặt trời
 - b) Cách tính lịch theo mặt trăng
 - c) Cách tính lịch theo sao Orion
 - d) Cả 3 đều sai
131. Trong hệ Can Chi, những chi kết hợp được với các can âm gồm:
- a) Sửu, Mão, Thìn, Ngọ, Thân, Dậu
 - b) Sửu, Mão, Ty, Mùi, Dậu, Hợi
 - c) Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất
132. Trong hệ Can Chi, những chi kết hợp được với các can dương gồm:
- a) Sửu, Mão, Thìn, Ngọ, Thân, Dậu
 - b) Sửu, Mão, Ty, Mùi, Dậu, Hợi
 - c) Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất
133. Trong hệ Can Chi, những can kết hợp được với các chi âm gồm
- a) Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm
 - b) Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý
 - c) Giáp, Bính, Mậu, Tân, Quý
134. Trong hệ Can Chi, những can kết hợp được với các chi dương gồm:
- a) Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm
 - b) Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý
 - c) Giáp, Bính, Mậu, Tân, Quý
135. Theo hệ Can Chi, giờ khởi đầu một ngày là giờ:
- a) Hợi
 - b) Tý
 - c) Dần
 - d) Ngọ
136. Theo hệ đếm Can Chi, giờ hoàn toàn dương là giờ:
- a) Hợi
 - b) Ngọ
 - c) Dần
 - d) Ty
137. Theo hệ Can Chi (hiện đang dùng), tháng giêng trong năm là tháng:
- a) Hợi

- b) Tý
c) Dần
d) Ngọ
138. Theo hệ Can Chi, năm khởi đầu một Hoa giáp là năm:
a) Quý Hợi
b) Bính Tý
c) Bính Dần
d) Giáp Tý
139. Theo hệ Can Chi, năm cuối cùng của một Hoa giáp là năm:
a) Tân Hợi
b) Giáp Tý
c) Ất Sửu
d) Quý Hợi
140. Công thức nào dưới đây dùng để đổi năm dương lịch ra năm Can Chi:
a) $C = d [(D + 3) : 60]$ hoặc $C = d [(D + 3) : 12]$
b) $C = d [(D - 3) : 60]$ hoặc $C = d [(D - 3) : 12]$
c) Cả 2 đều sai
141. Công thức $C = d [(D + 3) : 60]$ dùng để đổi năm dương lịch ra năm Can Chi :
a) Đúng
b) Sai
142. Năm 1785 (Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút) tính theo hệ Can Chi là năm:
a) Tân Ty
b) Quý Mão
c) Giáp Thìn
d) Ất Ty
143. Năm 1785 (Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút) tính theo hệ Can Chi là năm Ất Sửu:
a) Đúng
b) Sai
144. Năm 1941 (Hồ Chí Minh trở về Việt Nam) tính theo hệ Can Chi là năm:
a) Tân Ty
b) Canh Ty
c) Mậu Ngọ
d) Cả 3 đều sai
145. Năm 2000 là năm Canh Thìn, những năm có chu kỳ 10 cũng là năm Canh Thìn:
a) Đúng
b) Sai
146. Các năm 1961, 1991 thuộc Can nào dưới đây:
a) Canh
b) Tân
c) Kỷ
d) Nhâm
147. Các năm 1964, 2000 thuộc Chi nào dưới đây:
a) Thìn
b) Ty
c) Mão
d) Thân
148. Các năm 1968, 2004 thuộc Chi nào dưới đây:
a) Dần
b) Ty
c) Mão
d) Thân
149. Mẹ của bạn Thanh Huyền sinh năm 1961. Tính theo hệ Can Chi là năm:
a) Tân Sửu
b) Canh Tý
c) Ất Sửu

- d) Kỷ Hợi
150. Hành sinh ra hành Thổ là hành:
- a) Kim
 - b) Mộc
 - c) Hoả
151. Hành sinh ra hành Kim là hành:
- a) Thổ
 - b) Mộc
 - c) Hoả
152. Hành sinh ra hành Thuỷ là hành:
- a) Kim
 - b) Mộc
 - c) Hoả
153. Hành sinh ra hành Mộc là hành:
- a) Kim
 - b) Thổ
 - c) Thuỷ
154. Hành sinh ra hành Mộc là hành Thổ:
- a) Đúng
 - b) Sai
155. Hành sinh ra hành Hoả là hành:
- a) Kim
 - b) Mộc
 - c) Thổ
156. Hành khắc hành Thổ là hành:
- a) Kim
 - b) Mộc
 - c) Hoả
157. Hành khắc hành Kim là hành:
- a) Thổ
 - b) Mộc
 - c) Hoả
158. Hành khắc hành Thuỷ là hành:
- a) Kim
 - b) Mộc
 - c) Thổ
159. Hành khắc hành Mộc là hành:
- a) Kim
 - b) Thổ
 - c) Hoả
160. Hành khắc hành Mộc là hành Kim:
- a) Đúng
 - b) Sai
161. Hành khắc hành Hoả là hành:
- a) Kim
 - b) Mộc
 - c) Thổ
 - d) Thuỷ
162. Tạng phé trong ngũ tạng thuộc:
- a) Hành Thổ và phủ bàng quang
 - b) Hành Mộc và phủ tiểu tràng
 - c) Hành Kim và phủ đại tràng
163. Tạng thận trong ngũ tạng thuộc:
- a) Hành Thổ và phủ bàng quang
 - b) Hành Thủy và phủ tiểu tràng

- c) Hành Thủy và phủ bàng quang
164. Tạng can trong ngũ tạng thuộc:
- Hành Thổ và phủ bàng quang
 - Hành Mộc và phủ tiểu tràng
 - Hành Mộc và phủ đờm (mật)
165. Tạng tâm trong ngũ tạng thuộc:
- Hành Hoả và phủ tiểu tràng
 - Hành Kim và phủ tiểu tràng
 - Hành Mộc và phủ tiểu tràng
166. Tạng tỳ trong ngũ tạng thuộc:
- Hành Thổ và phủ vị (dạ dày)
 - Hành Kim và phủ tiểu tràng
 - Hành Thổ và phủ tiểu tràng
167. Theo y học cổ truyền dân tộc, tạng quan trọng nhất trong ngũ tạng là:
- Tâm
 - Can
 - Tỳ, Phế
 - Thận
168. Để chẩn đoán bệnh, các thầy thuốc Đông y dùng Tứ chẩn (vọng, văn, vấn, thiết). Đó là:
- Nhìn, nghe, hỏi, xem mạch
 - Hỏi, xem mạch, bốc thuốc, châm cứu
 - Xem mạch, bốc thuốc, châm cứu, tái khám
 - Nhìn, nghe, xem mạch, châm cứu
169. Hành Thủy gồm một nhóm các yếu tố nào dưới đây:
- Thận, bàng quang, tuỷ xương, tai
 - Can, bàng quang, tuỷ xương, tai
 - Thận, bàng quang, tuỷ xương, tai, mũi
170. Hành Mộc gồm một nhóm các yếu tố nào dưới đây:
- Can, đờm, gân, mắt
 - Can, phế, gân, mắt
 - Can, đờm, gân, lưỡi
171. Hành Hoả gồm một nhóm các yếu tố nào dưới đây:
- Tâm, đại trường, huyết mạch, lưỡi
 - Tâm, tiểu trường, huyết mạch, lưỡi
 - Tâm, tiểu trường, huyết mạch, miệng, lưỡi
172. Hành Thổ gồm một nhóm các yếu tố nào dưới đây:
- Tỳ, vị, huyết, miệng
 - Tỳ, vị, da, mũi
 - Tỳ, vị, thịt, miệng
173. Hành Kim gồm một nhóm các yếu tố nào dưới đây:
- Tâm, đại trường, da, lông, mũi
 - Phế, đại trường, da, lông, mũi
 - Phế, đại trường, da, thịt, mũi
 - Thận, đại trường, da, lông, mũi
174. Số Hà Đồ là gồm các số:
- 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
 - 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10
 - 1, 2, 3, 4, 5
 - Cả 3 đều sai
175. Số Hà Đồ gồm các số: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
- Đúng
 - Sai
176. Số Lạc Thư gồm các số: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10
- Đúng
 - Sai

177. Các con số trong Lạc Thư phản ánh trình độ toán học của người cổ đại. Đó là:
- Phép cộng theo hệ đếm 15
 - Phép trừ theo hệ đếm 15
 - Phép nhân và chia
 - Phép tính theo phương trận
178. Hành Hoả trong Ngũ Hành ứng với:
- Số 1 và phương Nam
 - Số 2 và phương Nam
 - Số 3 và phương Nam
 - Số 4 và phương Nam
179. Tín ngưỡng phồn thực hình thành từ:
- Triết lý Âm Dương
 - Tục thờ Linga của người Chăm
 - Niềm tin về thế lực có quyền năng về sinh sản
 - Truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ
180. Vật dùng để thờ trong tín ngưỡng phồn thực người Việt Nam là:
- Nỏ nường
 - Linga và yoni
 - Chày và cối
 - Các vật có hình người giao phối
181. Tín ngưỡng phồn thực thể hiện trong đời sống là:
- Tục đắp hai con rồng trên nóc nhà
 - Tục giả cối đón dâu
 - Tục biếu quà chẵn một cặp
182. Đối tượng được thờ trong tín ngưỡng tôn thờ lực lượng tự nhiên của người Việt Nam là:
- Các lực lượng có thể tác động tích cực và tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp
 - Các lực lượng có thể tác động tích cực và tiêu cực đến nơi cư trú
 - Các lực lượng có thể tác động tích cực và tiêu cực đến hoạt động đi lại
183. Các vị thần trong đời sống tâm linh người Việt Nam thường là nữ thần.
- Đúng
 - Sai
184. Giồng gióng tiên rồng trong truyền thuyết người Việt có liên quan đến:
- Thần nông và tiên
 - Thần nông và cá sấu
 - Chim hạc và thường luồng
 - Kỳ lân và rắn
185. Tứ bất tử trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam gồm các vị:
- Hùng Vương, Thánh Gióng, Đức Thánh Trần, Ngô Quyền
 - Tản Viên, Hùng Vương, Thánh Gióng, Đức Thánh Trần
 - Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử, Liễu Hạnh
 - Thần Kim Quy, Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử
186. Các vị thần trong tín ngưỡng Việt Nam có thể bị phủ nhận nếu người ta cảm thấy thần không còn linh thiêng nữa.
- Đúng
 - Sai
187. "Vô vi" trong Đạo giáo nghĩa là:
- Không làm gì cả
 - Không làm điều gì trái với tự nhiên
 - Không làm điều mình không thích
 - Không làm quan hoặc làm tướng
188. Tứ bất tử trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam gồm các vị: Hùng Vương, Thánh Gióng, Đức Thánh Trần, Ngô Quyền
- Đúng
 - Sai
189. Tục chèo đò đưa linh theo quan niệm xưa là:

- a) Đưa linh hồn người chết sang thế giới bên kia
 b) Đưa linh cửu người chết sang thế giới bên kia
 c) Để người chết được hoá kiếp làm người trở lại
 d) Để người chết có phương tiện đi lại
190. Tục thờ cúng, vái lạy ông bà, tổ tiên, các anh hùng dân tộc là:
 a) Mỹ tục
 b) Hủ tục
 c) Vừa hủ tục vừa mỹ tục
 d) Tình cảm tự nhiên, không hủ tục cũng không mỹ tục
191. Nho giáo bắt đầu nhập vào Việt Nam từ thời:
 a) Bắc thuộc
 b) Lý
 c) Trần
 d) Lê
192. Tam cương trong Nho giáo gồm ba mối quan hệ là:
 a) Quân - Thần, Phụ - Tử, Huynh - Đệ
 b) Quân - Thần, Phụ - Tử, Phu - Phụ
 c) Quân - Thần, Phụ - Tử, Bằng hữu
 d) Quân - Thần, Phụ - Tử, Bằng hữu
193. Tam cương gói gọn trong ba chữ:
 a) Trung - Hiếu - Nghĩa
 b) Trung - Nghĩa - Tín
 c) Trung - Nghĩa - Tiết
194. Người quân tử trong Nho giáo được hiểu là:
 a) Mẫu người lý tưởng của thời đại phong kiến Trung Hoa
 b) Mẫu người lý tưởng của mọi thời đại
 c) Mẫu người vượt lên mọi thời đại
 d) a và b đúng
195. Tăng Sâm (Tăng Tử) là tác giả cuốn:
 a) Luận Ngữ
 b) Đại Học
 c) Trung Dung và Đại Học
 d) Cả 3 đều sai
196. Khổng Cấp (Tử Tư) là tác giả cuốn:
 a) Luận Ngữ
 b) Đại Học
 c) Trung Dung và Đại Học
 d) Cả 3 đều sai
197. Khổng Cấp (Tử Tư) là tác giả cuốn:
 a) Luận Ngữ
 b) Trung Dung
 c) Luận Ngữ và Đại Học
 d) Cả 3 đều sai
198. Mạnh tử là:
 a) Người trực tiếp tiếp thu tư tưởng Lão tử
 b) Người gián tiếp tiếp thu tư tưởng Lão tử
 c) Người trực tiếp tiếp thu và phát triển tư tưởng Khổng tử
 d) Người gián tiếp tiếp thu và phát triển tư tưởng Khổng tử
199. Thứ tự ra đời của Tứ thư (Nho giáo) là:
 a) Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh tử
 b) Trung Dung, Luận Ngữ, Đại Học, Mạnh tử
 c) Luận Ngữ, Trung Dung, Đại Học, Mạnh tử
 d) Luận Ngữ, Đại Học, Trung Dung, Mạnh tử
200. Quan niệm Tam cương được hình thành vào giai đoạn:
 a) Trước thời Khổng tử
 b) Trong thời Khổng tử

- c) Sau khi Không tử mất
201. Một cuốn trong Ngũ Kinh có đề cập đến lịch sử, quê hương của Không tử là cuốn:
- Kinh Thư
 - Kinh Thi
 - Kinh Xuân Thu
 - Kinh Lễ
202. Người đời sau hay gọi di sản tư tưởng Không tử là học thuyết Không Mạnh vì:
- Mạnh tử là người kế thừa xuất sắc tư tưởng Không tử
 - Mạnh tử được Không tử trực tiếp truyền dạy
 - Trong bộ Tứ Thư, chỉ có cuốn Mạnh tử thể hiện tư tưởng Không tử
 - Tư tưởng Mạnh tử chi phối bộ Tứ thư và Ngũ kinh
203. Hình tượng Linga - yoni trong văn hoá Chăm biểu hiện cho:
- Yếu tố văn hoá bản địa Chăm
 - Ảnh hưởng văn hoá Đông Nam Á
 - Ảnh hưởng văn hoá Nam Á
 - Cả 3 đều sai
204. Linga 1 thành phần trong văn hoá Chăm thể hiện:
- Yếu tố văn hoá Óc eo
 - Ảnh hưởng văn hoá nông nghiệp khu vực
 - Ảnh hưởng văn hoá Việt Nam
 - Yếu tố văn hoá bản địa Chăm
205. Linga 2 thành phần trong văn hoá Chăm là thể hiện:
- Yếu tố văn hoá bản địa Chăm
 - Ảnh hưởng văn hoá Đông Nam Á
 - Ảnh hưởng văn hoá Nam Á
 - Ảnh hưởng văn hoá Trung Đông
206. Linga 3 thành phần trong văn hoá Chăm biểu hiện sự ảnh hưởng văn hoá nông nghiệp khu vực.
- Đúng
 - Sai
207. Di sản văn hoá Chăm thuộc dạng:
- Văn hoá của một nước Chăm pa thống nhất
 - Văn hoá của các tiểu vương quốc Chăm
 - Văn hoá pha trộn văn hoá Việt - Hoa
 - Văn hoá pha trộn văn hoá Ấn Độ - Việt - Hoa
208. Đối với người Chăm theo Bà la môn giáo, đáng có quyền uy cao nhất là:
- Thánh Ala
 - Brahma
 - Visnu
 - Silva
209. Đối với người Chăm theo Bà la môn giáo, con người chỉ được giải thoát khi:
- Linh hồn cá thể tự huỷ diệt
 - Linh hồn cá thể nhập vào Thánh Ala
 - Linh hồn cá thể nhập vào Đại hồn
 - Linh hồn cá thể tìm gặp tổ tiên
210. Nghề truyền thống của người Chăm là:
- Đúc đồng, dệt vải tơ tằm
 - Làm gốm, dệt thổ cẩm
 - Trồng lúa nước
 - Dệt thổ cẩm, trồng lúa nước
211. Thích ca (trong Thích ca Mâu ni dùng để gọi Tất Đạt Đa) là:
- Tên tục
 - Pháp danh
 - Tên dòng họ
 - Tên húy
212. Khi nhận thức ra chân lý, thái tử Tất Đạt Đa được gọi là Buddha. Buddha có nghĩa gốc là:

- a) Phật
 - b) Bạc giác ngộ
 - c) Bụt
 - d) Cả 3 đều sai
213. Phật giáo bắt đầu nhập vào Việt Nam từ:
- a) Đầu thế kỷ thứ I
 - b) Cuối thế kỷ thứ I
 - c) Từ thế kỷ thứ III
 - d) Từ thế kỷ thứ XI
214. Phái Nam Tông (Phật giáo) còn có tên gọi khác là:
- a) Phái Đại Chúng, Tiểu Thừa
 - b) Phái Thượng Toạ, Tiểu Thừa
 - c) Cả 2 đều sai
215. Phái Bắc Tông (Phật giáo) còn có tên gọi khác là:
- a) Phái Đại Chúng, Đại Thừa
 - b) Phái Thượng Toạ, Đại Thừa
 - c) Cả 2 đều sai
216. Khuynh hướng Phật giáo thâm nhập vào Việt Nam đầu tiên là:
- a) Thiên tông
 - b) Tịnh độ tông
 - c) Bắc tông
 - d) Nam tông
217. Tam tạng của Phật giáo là: tạng Kinh, tạng Luận, tạng Luật.
- a) Đúng
 - b) Sai
218. Tam Bảo trong Phật giáo là:
- a) Phật - Pháp - Sư
 - b) Phật - Pháp - Tăng
 - c) Phật - Sư - Tăng
 - d) Phật - Pháp - Luật
219. Trong tứ diệu đế, "Niết bàn" là khái niệm được đề cập trong:
- a) Khổ đế
 - b) Nhân đế
 - c) Diệt đế
 - d) Đạo đế
220. Theo nhà Phật, lục tặc là sự "quấy rầy" con người từ các giác quan, bộ phận:
- a) Mắt, mũi, miệng, lưỡi, tai, tóc
 - b) Mắt, mũi, da, lưỡi, tai, tóc
 - c) Mắt, mũi, miệng, lưỡi, tai, da
 - d) Mắt, mũi, miệng, lưỡi, óc não, da
221. Theo quan niệm của Phật giáo, nguồn gốc mọi nỗi khổ của con người là do:
- a) Ăn uống
 - b) Mất nhiều mà được ít
 - c) Tham muốn (ái dục), và không sáng suốt (vô minh)
 - d) Sợ cái chết vì tất cả rồi cũng phải đi đến cái chết
222. Phật giáo Việt Nam truyền thống có khuynh hướng:
- a) Thoát tục
 - b) Nhập thế
 - c) Trung dung giữa giữa nhập thế và thoát tục
 - d) Khám phá bản ngã, đi tìm cái tôi của chính mình
223. Các nhà sư khi ra khỏi chùa luôn luôn mặc áo cà sa là thuộc phái:
- a) Nam tông
 - b) Mật tông
 - c) Bắc tông
 - d) Cả 3 đều sai

224. Trong Phật giáo, việc thu nhận tín đồ có tính mở rộng là quan điểm của phái:
- Bắc tông
 - Nam tông
 - Cư sĩ
 - Cả 3 đều sai
225. Các vị thần gồm: Tam Bành, Độc Cước, Huyền Đàn thuộc phái:
- Thần tiên
 - Luyện đan
 - Phù thủy
 - Nam tông
226. Tam giáo gồm các giáo phái:
- Phật - Nho - Đạo
 - Nho - Đạo - Ki tô
 - Phật - Đạo - Bà la môn
 - Nho - Phật - Cao Đài
227. Tam giáo là sản phẩm dung hợp giữa:
- Các nền văn hoá trong khu vực phương Đông
 - Văn hoá phương Đông và văn hoá phương Tây
 - Văn hoá Việt Nam và văn hoá Ấn Độ
 - Văn hoá Việt Nam và văn hoá Trung Hoa
228. Người Việt coi trọng ngày giỗ vì đó là dịp:
- Nhắc nhở công đức và tỏ lòng biết ơn người đã khuất nhằm giáo dục con cháu
 - Đề gia đình trả ơn, trả nghĩa những người đã đến giúp đỡ cho đám tang
 - Họp mặt tổ chức vui chơi để người chết vui lòng
 - a và c sai
229. Suy cho cùng, thiên đàng, địa ngục, thần, tiên, ma quỷ đều là sản phẩm của trí tưởng tượng của con người, và do vậy, các lực lượng này đều vận động theo ý muốn của con người.
- Đúng
 - Sai
230. Xét về nguồn gốc, học thuyết Mác là hệ triết học:
- Phương Đông
 - Phương Tây
 - Quốc tế
 - Quốc gia
231. Học thuyết Mác là học thuyết "vô thần" vì:
- Dựa trên những thành tựu khoa học
 - Ra đời ở Phương Tây
 - Xuất hiện sau
 - Mác xuất thân trong gia đình không tôn giáo
232. Về nhận thức thế giới tự nhiên, học thuyết Mác và triết lý Âm Dương:
- Hoàn toàn khác biệt
 - Có những điểm gặp nhau
 - Không có cơ sở nào để so sánh, đối chiếu
233. Cơ cấu bữa ăn truyền thống của Người Việt là:
- Cơm - rau quả - thịt
 - Cơm - rau - thủy sản
 - Cơm - thịt - rau quả
 - Cơm - thịt - rau quả - thủy sản
234. Theo nguyên lý âm dương, cách thức ăn uống của người Việt có đặc điểm là:
- Tạo sự quân bình cho con người, tránh bệnh tật
 - Tạo sự cân đối cho cơ thể
 - Tạo sự gắn gũi giữa con người với nhau
 - Cả 3 đều sai
235. Theo nguyên lý âm dương, cách thức ăn uống của người Việt có đặc điểm là:
- Chọn món ăn có tính hàn lương

- b) Chọn món ăn có tính ôn nhiệt
 - c) Chọn món ăn có tính bình
 - d) Chọn món ăn cân bằng thuộc tính âm dương theo mùa
- 236.Theo nguyên lý âm dương, cách thức ăn uống của người Việt có đặc điểm là:
- a) Chọn món ăn có vị mặn và đắng
 - b) Chọn món ăn có vị chua và cay
 - c) Chọn món ăn có vị ngọt và đắng
 - d) Chọn món ăn cân bằng vị tính theo mùa
- 237.Thức ăn, thức uống được người Việt phân theo Âm Dương gồm các vị:
- a) Mặn, chua, đắng, cay, ngọt, béo
 - b) Mặn, chua, đắng, cay, ngọt, lạt
 - c) Hàn, lương, bình, ôn, nhiệt
 - d) Cả 3 đều sai
- 238.Thức ăn, thức uống được người Việt phân theo Âm Dương gồm các tính:
- a) Mặn, chua, đắng cay, ngọt, béo
 - b) Mặn, chua, đắng, cay, ngọt, lạt
 - c) Hàn, lương, bình, ôn, nhiệt
 - d) Cả 3 đều sai
- 239.Truyền thống bảo quản thực phẩm lâu ngày của người Việt là:
- a) Phơi khô
 - b) Bỏ vào ngăn lạnh
 - c) Luộc chín
 - d) Cả 3 đều sai
- 240.Phong tục cổ xưa của người Việt là:
- a) Hút thuốc lá, uống rượu cần
 - b) Ăn trầu, nhuộm răng,
 - c) Cắt tóc ngắn, đi giày vải
 - d) Cả 3 đều sai
- 241.Thường ngày, người Việt có thói quen ăn thức ăn:
- a) Để nguội
 - b) Giữ ấm, nóng
 - c) Làm lạnh
 - d) Phơi khô
- 242.Thường ngày, người Việt có thói quen ăn thức ăn:
- a) Làm lạnh
 - b) Để nguội
 - c) Lên men chua
 - d) Cả 3 đều sai
- 243.Thức ăn, thức uống của người Việt vừa là phương thuốc phòng và trị bệnh:
- a) Đúng
 - b) Sai
- 244.Khi ăn, người Việt ăn theo hình thức:
- a) Ăn chung
 - b) Khẩu phần
 - c) Khẩu phần, theo lứa tuổi
 - d) Cả 3 đều sai
- 245.Người Việt ăn bữa chính theo hình thức:
- a) Mỗi người tự phục vụ
 - b) Có một người phục vụ cho mọi người
 - c) Có một người phục vụ cho trẻ con và người già
 - d) Mỗi người tự phục vụ đồng thời phục vụ người khác
- 246.Khi ăn, người Việt ăn theo hình thức:
- a) Ăn chung, ngồi chung
 - b) Ăn theo khẩu phần, ngồi chung
 - c) Ăn theo khẩu phần, ngồi riêng

247. Cấu trúc và cách sử dụng đôi đũa của người Việt có hàm ẩn triết lý Âm Dương.
- Đúng
 - Sai
248. Trong cách ăn của người Việt, đôi đũa là:
- Vật dụng nhiều chức năng, khó thay thế bằng vật dụng khác
 - Vật dụng ít chức năng, có thể thay thế bằng vật dụng khác
 - Vật dụng ít chức năng, khó thay thế bằng vật dụng khác
249. Nội dung câu: "Ăn trông nồi ngồi trông hướng" nhằm khuyên người ăn nên:
- Nhìn vào nồi để biết lượng thức ăn ít hay nhiều mà ăn
 - Nhìn lượng thức ăn để nhường nhịn nhau
 - Xem xét đề ngôi vào chỗ có thức ăn ngon
 - a và b đúng
250. Câu "Miếng giữa làng bằng sàng xó bếp" có nghĩa là:
- Ăn giữa làng đông vui nên thấy ngon hơn ở nhà
 - Có vị thế trong buổi tiệc của làng là niềm vinh dự
 - Những món ăn trong tiệc làng có chất lượng hơn ở nhà
 - Cả 3 đều sai
251. Đối với người Việt Nam, rủ nhau, chờ nhau, gọi nhau ăn là thói quen do:
- Quy định của lễ giáo phong kiến
 - Lối sống cộng đồng
 - Lòng thương người
 - Xem trọng cái ăn
252. Đặc điểm lối mặc của người Việt là mặc nửa kín nửa hở:
- Đúng
 - Sai
253. Lối mặc hở của người Việt là do sự chi phối của:
- Văn hoá phương Bắc thời thuộc Hán
 - Tín ngưỡng dân gian
 - Môi trường địa lý và khí hậu
 - Văn hoá phương Tây
254. Tên gọi "vải Giao Chỉ" do người Trung Hoa đặt được dệt từ:
- Tơ gai
 - Tơ chuối
 - Tơ đay
 - Tơ tằm
255. Loại vải xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam là vải dệt bằng:
- Tơ tằm
 - Tơ chuối
 - Tơ đay
 - Tơ gai
256. Áo tứ thân, năm thân được ghép lại từ nhiều tấm là do:
- Chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa
 - Trước đây không có nghề may
 - Khổ vải dệt ra hẹp
 - Cả 3 đều sai
257. Chức vị của quan lại thời phong kiến thể hiện qua màu sắc và hình thức thiết kế của trang phục.
- Đúng
 - Sai
258. Thời phong kiến, vua mặc áo vàng vì đó là:
- Màu của kim loại quý hiếm (vàng)
 - Màu của đất sét
 - Màu của hành Thổ
 - Cả 3 đều sai
259. Các Phật tử mặc áo vàng vì đó là:
- Màu sắc của nước sông Ấn, sông Hằng

- b) Màu của hành Thổ theo văn hoá phương Đông
 c) Màu của kim loại vàng
 d) Màu áo của những người nô lệ Ấn Độ
260. Nhà ở truyền thống của người Việt được xây dựng phù hợp theo:
 a) Điều kiện địa lý
 b) Vị trí làm việc
 c) Ý muốn của họ hàng
 d) Ý muốn của làng xã
261. Thành ngữ "nhà cao cửa rộng" phản ánh kiểu nhà:
 a) Nền cao, nóc nhà cao, cửa thấp và rộng
 b) Nền thấp, nóc nhà cao, cửa thấp và rộng
 c) Nền cao, nóc nhà cao, cửa cao và rộng
 d) Nền thấp, nóc nhà thấp, cửa thấp và hẹp
262. Theo quan niệm phong thủy truyền thống, thế đất tốt là thế đất có:
 a) Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, tiền án, hậu chẩm, minh đường hội tụ
 b) Sự thuận lợi về mặt thương mại
 c) Được thần linh che chở
 d) Cả 3 đều sai
263. Theo quan niệm phong thủy truyền thống thế đất tốt là thế đất có:
 a) Hội đủ Ngũ Hành
 b) Sự hài hoà giữa sông và núi
 c) Minh đường nhô cao
 d) Cả 3 đều sai
264. Theo quan niệm phong thủy truyền thống, thế đất tốt là thế đất có:
 a) Sự hội đủ Ngũ Hành
 b) Sự thuận lợi về mặt thương mại
 c) Sự thuận lợi về mặt giao thông
 d) Cả 3 đều sai
265. Các thông số trong kiến trúc cổ truyền Việt Nam thường là:
 a) Số chẵn
 b) Số lẻ
266. Cây thước tầm trong kiến trúc dân gian có chức năng là:
 a) Vật chứng nhận sở hữu nhà ở
 b) Vật chứng nhận tài trí của chủ nhân
 c) Vật chứng nhận sở hữu đất ở
 d) Vật chứng nhận sự bảo hộ của thần linh
267. Cây thước tầm trong kiến trúc dân gian được làm bằng:
 a) Tre, hóp
 b) Dây vải
 c) Gỗ quý
 d) Đồng
268. Cây thước tầm vừa có giá trị kỹ thuật đo lường kiến trúc vừa có giá trị như một bản chứng nhận quyền sở hữu nhà ở của chủ nhà.
 a) Đúng
 b) Sai
269. Mái nhà hình cong trong kiến trúc truyền thống Việt Nam là biểu hiện:
 a) Sự mô phỏng hình mũi thuyền
 b) Sự mô phỏng các đỉnh núi
 c) Sự mô phỏng hình dạng sóng biển
 d) Sự mô phỏng hình cánh sen
270. Kiến trúc truyền thống thiết kế mái nhà hình mũi thuyền để tránh gió bão.
 a) Đúng
 b) Sai
271. Cấu trúc nhà ở truyền thống của người Việt có đặc điểm:
 a) Nóc nhà cao, cửa thấp và rộng

- b) Nóc nhà cao, cửa thấp và hẹp
 c) Nóc nhà thấp, cửa cao và rộng
 d) Nóc nhà thấp, cửa thấp và hẹp
272. Trong lối kiến trúc truyền thống của người Việt, khung chịu lực là:
 a) Hệ thống móng và tường
 b) Hệ thống cột, kèo và xà
 c) Hệ thống cột chống đỡ ở ngoài hiên nhà
 d) Vách đất hoặc gỗ chung quanh nhà
273. Thầy địa lý dùng chiếc la bàn phương Đông để tìm chỗ đất tốt thì gọi là “tâm long”.
 a) Đúng
 b) Sai
274. Trước đây, các vị vua quan niệm rằng: thế đất hội đủ Ngũ Hành là nơi phát đế vương.
 a) Đúng
 b) Sai
275. Giao thông ở Việt Nam trước đây chủ yếu là:
 a) Đi bộ
 b) Đi bằng thuyền
 c) Khiêng, vồng, cáng
 d) Cả 3 đều sai
276. Hệ thống giao thông ở Việt Nam trước đây phổ biến là:
 a) Men dọc theo bờ biển
 b) Sông ngòi, kênh, rạch, các đường mòn
 c) Lăn theo các bờ ruộng
 d) Cả 3 đều sai
277. Nhóm phương tiện nào dưới đây thường được người Nam Bộ sử dụng:
 a) Xuồng ba lá, ghe bầu
 b) Thuyền buồm, thuyền thúng
 c) Thuyền độc mộc, bè mảng kết bằng tre nứa
 d) Ghe dài, đò có mái che
278. Nhóm phương tiện nào dưới đây thường được cư dân miền núi sử dụng:
 a) Xuồng ba lá, ghe bầu
 b) Thuyền buồm, thuyền thúng
 c) Thuyền độc mộc, bè mảng kết bằng tre nứa
 d) Ghe dài, đò có mái che
279. Giao thông ở Việt Nam trước đây chủ yếu là:
 a) Đi ngựa
 b) Đi bằng thuyền
 c) Khiêng, vồng, cáng
 d) Cả 3 đều sai
280. Đặc điểm thuyền chiến Việt Nam là:
 a) Ngắn, một khoang
 b) Dài, một khoang
 c) Ngắn, nhiều khoang
 d) Dài, nhiều khoang
281. Thuyền chiến có nhiều khoang thể hiện kinh nghiệm đóng thuyền bè lâu đời của người Việt.
 a) Đúng
 b) Sai
282. Người cầm chèo trong sân khấu chèo truyền Việt Nam phải là người:
 a) Am hiểu về nghệ thuật sân khấu
 b) Có tiền tài địa vị trong xã hội
 c) Có vóc dáng đẹp
 d) Có quan hệ họ hàng với người quản lý sân khấu
283. Diễn “cuơng”, tiếng đế trong nghệ thuật diễn xướng Việt Nam là biểu hiện của:
 a) Tính sáng tạo, ứng biến tài tình của các nghệ nhân
 b) Tính ngẫu hứng trong biểu diễn

- c) Tính sáng tạo theo lối ngẫu hứng của diễn viên
d) a và c sai
284. Nghệ thuật cải lương và áo dài tân thời phụ nữ Việt Nam giống nhau ở chỗ:
a) Cùng xuất xứ ở một vùng
b) Những người sáng tạo cùng chịu ảnh hưởng văn hoá phương Tây
c) Cùng xuất hiện sau CM/8 năm 1945
285. Loại nhạc cụ xuất hiện sớm và phổ biến nhất trong âm nhạc truyền thống Việt Nam thuộc:
a) Bộ thổi
b) Bộ gảy
c) Bộ gõ
d) Bộ kéo
286. Loại hình nghệ thuật tiêu biểu nhất của vùng Nam Bộ là:
a) Đờn ca tài tử và Cải lương
b) Kịch nói hiện đại
c) Hát Bội và Bài Chòi
d) Cả 3 đều sai
287. Bài Chòi là loại hình nghệ thuật tiêu biểu nhất của vùng:
a) Trung Bộ
b) Bắc Bộ
c) Nam bộ
d) Tây Nguyên
288. Ở Việt Nam, cây đàn ghi ta chỉ có 5 dây và được khoét lỗm bàn phím để:
a) Phù hợp thang âm ngũ âm
b) Phù hợp bàn tay nhạc công Việt Nam
c) Phù hợp thang âm của âm nhạc phương Tây
d) Phù hợp chất giọng của người Việt
289. Thang âm trong âm nhạc cổ truyền Việt Nam gồm các âm:
a) Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ
b) Họ, Xự, Xang, Xê, Cống
c) Cung, Thương, Giốc, Vũ, Chủy
d) Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si
290. Hệ thống ngũ cung Trung Hoa gồm các âm:
a) Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ
b) Họ, Xự, Xang, Xê, Cống
c) Cung, Thương, Giốc, Vũ, Chủy
291. Nói chung, các nhạc cụ phương Tây là loại nhạc cụ có đặc điểm:
a) Không cố định cung bậc bằng phím và nút bấm
b) Cố định cung bậc bằng phím và nút bấm
c) Tạo thêm phím và nút bấm phụ
292. Đề tài của các tác phẩm sân khấu dân gian Việt Nam chủ yếu là:
a) Tình cảm và luân lý xã hội
b) Lao động sản xuất nông nghiệp
c) Chiến tranh chống xâm lược
d) Cả 3 đều sai
293. Đối với vị trí khán thính giả, sân diễn của sân khấu truyền thống có khoảng cách:
a) Xa, cao
b) Gần, cao
c) Xa, không cao
d) Gần, không cao
294. Sân diễn của sân khấu rối nước là:
a) Sân đình
b) Một thủy đình vừa thờ tổ vừa để diễn
c) Chỗ đất rộng có rào chắn tạo khoảng cách
d) Mặt nước của cái hồ hoặc cái ao
295. Thể loại có sân diễn độc đáo nhất trong sân khấu truyền thống Việt Nam là:

- a) Chèo
 - b) Tuồng
 - c) Rối nước
296. Rối nước có một sàn diễn nhưng có đến hai hậu trường.
- a) Đúng
 - b) Sai
297. Rối nước hình thành từ cuộc sống lao động của người nông dân sống gần ao hồ, đồng ruộng.
- a) Đúng
 - b) Sai
298. Người dẫn dắt vở diễn trong rối nước là:
- a) Anh hề
 - b) Chàng Tễu
 - c) Người cầm chầu
 - d) Cả 3 đều sai
299. Sân khấu tuồng có nguồn gốc ở Việt Nam.
- a) Đúng
 - b) Sai
300. Cách điệu là thủ thuật chính của động tác sân khấu Việt Nam truyền thống.
- a) Đúng
 - b) Sai
301. Chèo là loại hình kết hợp giữa ca múa dân gian Việt Nam và nghệ thuật sân khấu Trung Hoa.
- a) Đúng
 - b) Sai
302. Trong sân khấu truyền thống, nhân vật gây ấn tượng sâu sắc do tính thông minh, khôn ngoan, sắc sảo là:
- a) Anh hề
 - b) Chàng Tễu
 - c) Người cầm chầu
 - d) Cả 3 đều sai
303. Đờn ca tài tử hình thành dựa trên sự kết hợp giữa:
- a) Nhạc cổ Nam bộ với nhạc cổ Bắc bộ
 - b) Nhạc cổ Nam bộ với âm nhạc phương Tây
 - c) Nhạc cổ Nam bộ với âm nhạc cung đình
 - d) Nhạc cổ Việt Nam với âm nhạc phương Tây
304. Cải lương là thể loại hình thành dựa trên sự kết hợp giữa:
- a) Sân khấu truyền thống người Việt với kịch nói phương Tây
 - b) Sân khấu người Việt, người Hoa với kịch nói phương Tây
 - c) Sân khấu người Việt, người Khmer với kịch nói phương Tây
305. So với thang âm 7 âm của phương Tây, nếu lấy âm Hô làm chủ âm thì thang âm ngũ cung Việt Nam có đủ 7 âm tương ứng.
- a) Đúng
 - b) Sai
306. So với sân khấu phương Tây, sân khấu truyền thống Việt Nam có điểm khác biệt là:
- a) Kết hợp hoạt động múa với ca hát
 - b) Tách bạch hoạt động múa và hát
 - c) Chỉ diễn xuất múa khi có sự giới thiệu
307. Các nghệ sĩ có tài năng, giữ vai chính trong nghệ thuật sân khấu cổ truyền được gọi là:
- a) Đào, Kép
 - b) Tài tử, ca nương
 - c) Liên anh liên chị
308. Dòng tranh giấy truyền thống Việt Nam phù hợp với thị hiếu người bình dân là:
- a) Tranh Đông Hồ
 - b) Tranh Hàng Trống
 - c) Tranh thủy mặc
309. Dòng tranh truyền thống Việt Nam đáp ứng thị hiếu của tầng lớp quý tộc là:

- a) Tranh Đông Hồ
 - b) Tranh Hàng Trống
 - c) Tranh làng Sình
310. Công đoạn chính trong nghệ thuật làm tranh Đông Hồ là:
- a) Vẽ tay
 - b) In ván
 - c) Vừa vẽ tay vừa in ván
 - d) Cả 3 đều sai
311. Tranh Đông Hồ tránh khỏi tình trạng "tam sao thất bản" là nhờ ở:
- a) Kỹ thuật làm giấy điệp
 - b) Kỹ thuật pha chế màu
 - c) Kỹ thuật in ván
 - d) Kỹ thuật vẽ bằng tay
312. Tranh lụa thực hiện trên thứ vải lụa:
- a) Dùng để mặc thông thường
 - b) Được dệt bằng những sợi nhỏ hơn vải lụa thường
 - c) Được dệt bằng những sợi to hơn vải lụa thường
 - d) Có thêu sẵn những nét chính
313. Nghề sơn mài Việt Nam có từ:
- a) Trước công nguyên
 - b) Triều nhà Lê
 - c) Triều nhà Nguyễn
 - d) Những năm đầu thế kỷ XX
314. Lúc đầu, kỹ thuật sơn mài chủ yếu dùng bảo quản các đồ thờ cúng, các loại khay, tráp, ...
- a) Đúng
 - b) Sai
315. Nghệ thuật tranh sơn mài Việt Nam có từ:
- a) Trước công nguyên
 - b) Triều nhà Lê
 - c) Triều nhà Nguyễn
 - d) Những năm đầu thế kỷ XX
316. Hiện nay tranh sơn dầu phát triển mạnh, chiếm lĩnh đa phần thị trường tranh là do:
- a) Xuất hiện sau
 - b) Có nhiều ưu điểm hơn so với các loại khác
 - c) Giá cả rất rẻ
 - d) Giữ gìn được bản sắc nghệ thuật hội họa truyền thống Việt Nam
317. Kỹ thuật vẽ tranh sơn dầu còn được gọi là sơn son thiếp vàng:
- a) Đúng
 - b) Sai
318. Để thực hiện các tác phẩm tranh phù điêu, người ta phải đập vỡ nhiều đồ sành sứ đắt tiền.
- a) Đúng
 - b) Sai
319. Dù phải trải qua những cuộc chiến tranh khốc liệt nhưng đề tài của những tác phẩm nghệ thuật truyền thống Việt Nam không là đề tài về chiến tranh mà là đề tài về tình cảm.
- a) Đúng
 - b) Sai
320. Tả thực là thủ pháp chính trong nghệ thuật tạo hình dân gian Việt Nam.
- a) Đúng
 - b) Sai
321. Cách diễn đạt ngôn ngữ của người Việt nổi lên một đặc điểm là giàu tính hình tượng.
- a) Đúng
 - b) Sai
322. Đặc điểm của ngữ pháp tiếng Việt là:
- a) Phân định rõ các phạm trù thời, thể, giống số
 - b) Không phân định rõ các phạm trù thời, thể, giống số

- c) Văn viết phân định rõ các phạm trù thời, thể, giống số, văn nói thì không
d) Văn nói phân định rõ các phạm trù thời, thể, giống số, văn viết thì không
323. Tiếng Việt giàu nhạc tính vì:
a) Chịu ảnh hưởng ngữ điệu của ngôn ngữ phương Tây và ngữ điệu của tiếng Hán
b) Do có 6 thanh điệu, phát âm theo lối độc âm
c) Người Việt yêu thích nhạc
d) b, c đều sai
324. Điều kiện địa lý có chi phối việc hình thành ngữ pháp của các dân tộc phương Đông và phương Tây không?
a) Có
b) Không
325. Ngữ pháp Việt Nam thuộc loại:
a) Ngữ pháp hình thức
b) Ngữ pháp ngữ nghĩa
c) Ngữ pháp cấu trúc
d) Cả 3 đều sai
326. Trước đây, khi giải quyết các quan hệ trong cộng đồng làng xã, người Việt dựa trên:
a) Tình cảm
b) Lý trí
c) Luật pháp
d) Tiền của
327. Khi gặp nhau, người Việt thường dùng câu hỏi thay lời chào. Đó là do:
a) Tính cách tò mò
b) Sự quan tâm lẫn nhau
c) Ít khi gặp nhau
d) Cần gây thiện cảm với người khác
328. Cân đối, giản lược, giàu hình tượng, giàu nhạc tính là những nét nổi bật của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam.
a) Đúng
b) Sai
329. Đỉnh cao nghệ thuật chiến đấu Việt Nam là nghệ thuật giữ nước.
a) Đúng
b) Sai
330. Ở Việt Nam, thời phong kiến, việc tuyển chọn người tài theo tiêu chí:
a) Văn võ song toàn
b) Giỏi văn hơn giỏi võ
c) Giỏi võ hơn giỏi văn
d) Chỉ cần giỏi văn là đủ
331. Ở Việt Nam, thời phong kiến, triều đình chỉ chú trọng tuyển chọn người giỏi văn.
a) Đúng
b) Sai
332. Ở Việt Nam, thời phong kiến, thời gian thi tuyển quan võ dài hơn thi tuyển quan văn.
a) Đúng
b) Sai
333. Văn võ song toàn là phẩm cách có tính truyền thống của các võ tướng Việt Nam.
a) Đúng
b) Sai
334. Giá trị của võ thuật cổ truyền Việt Nam là:
a) Góp phần hình thành bản lĩnh dân tộc qua quá trình dựng và giữ nước.
b) Góp phần hình thành tinh thần cạnh tranh dân tộc trong phạm vi khu vực
c) Góp phần hình thành tinh thần cạnh tranh dân tộc trên toàn thế giới
d) Góp phần hình thành tính nhẫn nhục, sức chịu đựng
335. Ở nông thôn Việt Nam (trước đây), Giáp hoạt động như một tổ chức:
a) Nghề nghiệp
b) Hành chính

- c) Dòng tộc, cha truyền con nối
d) Tự nguyện, theo sở thích
336. Ở nông thôn Việt Nam (trước đây), phường hoạt động như một tổ chức:
a) Phe đảng
b) Hành chính
c) Dòng tộc, cha truyền con nối
d) Nghề nghiệp
337. Ở nông thôn Việt Nam (trước đây), hội hoạt động như một tổ chức:
a) Phe đảng
b) Hành chính
c) Dòng tộc, cha truyền con nối
d) Tự nguyện, theo sở thích
338. Hai thuộc tính cơ bản của nông thôn Việt Nam là:
a) Tính mở và tính cộng đồng
b) Tính dân chủ và tính cát cứ
c) Tính cộng đồng và tính tự trị
d) Tính địa phương và tính huyết thống
339. Hệ quả xấu của tính tự trị là:
a) Óc bè phái, địa phương cục bộ, óc gia trưởng tôn ty
b) Óc tư hữu, thói dựa dẫm, ỷ lại
c) Thói tùy tiện, óc bè phái, lối làm ăn cá thể
d) Thói cào bằng
340. Hệ quả xấu của tính cộng đồng là:
a) Óc bè phái, địa phương cục bộ, óc gia trưởng tôn ty
b) Óc tư hữu, thói dựa dẫm, ỷ lại
c) Thói tùy tiện, óc bè phái, lối làm ăn cá thể
d) Thủ tiêu vai trò cá nhân, thói dựa dẫm, ỷ lại
341. Qua thời gian, sân đình trở thành biểu tượng của:
a) Tính cộng đồng
b) Tính tự trị
c) Tính dân chủ
342. Qua thời gian, lũy tre làng trở thành biểu tượng của:
a) Tính cộng đồng
b) Tính tự trị
c) Tính dân chủ
343. Hồ sơ quản lý hành chính ở làng xã trước đây chủ yếu là:
a) Sổ đình
b) Sổ điền
c) Sổ đình và sổ điền
344. Đất đai ở làng xã trước đây hầu hết là do:
a) Vua cấp phát
b) Vua bán đứt cho làng xã
c) Dân làng tự khai phá
d) Dân làng thuê và trả hoa lợi cho vua
345. Quyền phân bổ đất đai ở làng xã trước đây là:
a) Do dòng họ này chuyển giao cho dòng họ khác nắm giữ
b) Do các quan cấp trên nắm giữ
c) Do các chức sắc địa phương nắm giữ
d) Do người dòng tộc trong làng nắm giữ
346. Người đứng đầu trong nhóm kỳ dịch gọi là:
a) Lý trưởng
b) Tiên chỉ
c) Cai giáp
d) Hương trưởng
347. Người đứng đầu trong nhóm kỳ mục gọi là:

- a) Lý trưởng
 - b) Tiên chỉ
 - c) Cai giáp
 - d) Hương trưởng
348. Lãnh đạo làng xã trước đây là do:
- a) Vua bổ nhiệm
 - b) Dân làng bầu ra
 - c) Họ tộc cử ra
 - d) Quan phủ huyện trực tiếp cử xuống
349. Lãnh đạo làng xã trước đây là do:
- a) Quan phủ huyện trực tiếp cử người
 - b) Các vị hàng lão cử ra
 - c) Họ tộc cử ra
 - d) Cả 3 đều sai
350. Biểu tượng cho tính cộng đồng của nông thôn Việt Nam là:
- a) Cây đa, bến nước, sân đình
 - b) Luỹ tre làng
 - c) Chùa làng
 - d) a, c đều sai
351. Biểu tượng cho tính tự trị của nông thôn Việt Nam là:
- a) Nhà thờ họ tộc
 - b) Cây đa, giếng nước, sân đình
 - c) Luỹ tre làng
 - d) Cổng làng
352. Đơn vị hành chính cấp xã trước đây thường có:
- a) Một làng
 - b) Một hoặc vài làng
 - c) Hàng chục làng
353. Thôn (miền Nam gọi là ấp) thường có:
- a) Một xóm
 - b) Một hoặc vài xóm
 - c) Hàng chục xóm
354. "Phép vua thua lệ làng" là sản phẩm của:
- a) Cơ chế quản lý bao cấp thời phong kiến
 - b) Tính cộng đồng và tính tự trị của nông thôn
 - c) Nền dân chủ làng xã
 - d) Tư duy huyết thống, họ tộc
355. "Phép vua thua lệ làng" được hiểu là pháp luật triều đình bao giờ cũng thua tục lệ làng xã:
- a) Đúng
 - b) Sai
356. Người trực tiếp quản lý làng xã về mặt hành chính là:
- a) Lý trưởng
 - b) Tiên chỉ
 - c) Cai giáp
 - d) Hương trưởng
357. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến hiện tượng phân biệt dân chính cư và dân ngụ cư là do:
- a) Nền chính trị phong kiến coi rẻ con người
 - b) Cơ chế phân quyền sử dụng đất của dòng họ trong làng
 - c) Nền kinh tế tiểu nông tự cung, tự cấp
 - d) Thói kỳ thị, địa phương cục bộ
358. Tục nộp cheo khi cưới là biểu hiện của:
- a) Hủ tục xôi thịt ở làng quê
 - b) Sự bóc lột của tầng lớp quản lý làng xã
 - c) Một biện pháp để giữ ổn định nhân sự làng xã
 - d) Nhu cầu thu quỹ để xây dựng các thiết chế trong làng

359. Hương ước là:
- Một hệ thống dùng chung nhiều làng
 - Một khế ước tự nguyện của toàn thể dân làng
 - Những quy ước do vua ban xuống cho làng xã
 - Cả 3 đều sai
360. Hôn nhân truyền thống Việt Nam chịu sự chi phối của:
- Gia đình nhà trai
 - Gia đình nhà gái
 - Làng xã và gia tộc
 - Luật pháp triều đình
361. Yếu tố truyền thống nào dưới đây đang là rào cản đối với sự phát triển xã hội hiện nay:
- Thờ quá nhiều loại thần
 - Chú trọng nhiều hình thức sinh hoạt tập thể
 - Thói quan liêu, đố kỵ, tư tưởng địa phương cục bộ.
362. Thông thường, hạng Đình trong tổ chức Giáp có độ tuổi từ:
- 16 đến 50
 - 17 đến 55
 - 18 đến 60
 - Cả 3 đều sai
363. Theo quan niệm xưa, người chết được gọi là “hương thọ” khi ở độ tuổi:
- 50 đến 55
 - 55 đến 60
 - 60 tròn
 - 60 trở lên
364. Trong xã hội Việt Nam, các hình thức phe, hội, phường tồn tại ở
- Làng xã
 - Phum sóc
 - Bán làng
 - Cả 3 đều sai
365. Về khoa học và nghiên cứu, các đô thị phương Tây phát triển về:
- Thiên văn, phong thủy, đạo học, y thuật tổng hợp
 - Thiên văn, phong thủy, đạo học, toán học, kinh doanh, luật pháp
 - Toán học, vật lý, hoá học, kỹ thuật, kinh doanh, y thuật tổng hợp
 - Cả 3 đều sai
366. Về khoa học và nghiên cứu, các đô thị phương Đông phát triển về:
- Thiên văn, phong thủy, đạo học, y thuật phân tích
 - Thiên văn, phong thủy, đạo học, toán học, kinh doanh, luật pháp
 - Toán học, vật lý, hoá học, kỹ thuật, kinh doanh, y thuật tổng hợp
 - Cả 3 đều sai
367. Trước đây, tổ chức đô thị ở Việt Nam có đặc điểm là:
- Sao phỏng tổ chức nông thôn
 - Vận dụng mô hình đô thị của Trung Hoa và phương Tây
 - Tổ chức theo cơ cấu công thương nghiệp
 - Cả 3 đều sai
368. Hệ thống chính trị truyền thống coi trọng:
- Cấp Trung ương và cấp Tỉnh
 - Cấp Tỉnh và cấp huyện
 - Cấp Trung ương và cấp làng xã
 - Các cấp như nhau
369. Cơ chế lãnh đạo tập thể trong bộ máy nhà nước Việt Nam là do:
- Đột biến giai đoạn
 - Kế thừa truyền thống
 - Ảnh hưởng nền chính trị phương Đông
 - Ảnh hưởng nền chính trị phương Tây
370. Trong xã hội Việt Nam trước đây, thương nghiệp không được coi trọng vì:

- a) Xã hội ít có nhu cầu trao đổi
 - b) Thị dân mua bán háms lợi nhuận
 - c) Tầng lớp thương nhân còn ít ỏi
 - d) Cả 3 đều sai
371. Trong xã hội Việt Nam trước đây, thương nghiệp không được coi trọng vì:
- a) Quan niệm thứ bậc “Sĩ, nông, công, thương”
 - b) Thị dân không cần tranh giành địa vị xã hội
 - c) Thị dân mua bán không trung thực
 - d) Thị dân không giàu có
372. Đô thị truyền thống có đặc điểm nào dưới đây:
- a) Do dân chúng lập nên, thực hiện chức năng hành chính, bị nông thôn hoá khi mất chức năng hành chính
 - b) Do nhà nước xây dựng, thực hiện chức năng hành chính, bị nông thôn hoá khi mất chức năng hành chính
 - c) Xuất hiện tự phát, thực hiện chức năng kinh tế, bị nông thôn hoá khi mất chức năng kinh tế
 - d) Cả 3 đều sai
373. Đô thị phương Tây có đặc điểm nào dưới đây:
- a) Do dân chúng lập nên, thực hiện chức năng hành chính, bị nông thôn hoá khi mất chức năng hành chính
 - b) Do nhà nước xây dựng, thực hiện chức năng kinh tế, bị nông thôn hoá khi mất chức năng kinh tế
 - c) Do dân chúng lập nên, thực hiện chức năng kinh tế, không bị nông thôn hoá khi mất chức năng kinh tế
 - d) Cả 3 đều sai
374. Đặc điểm của sắc diện văn hoá đô thị Việt Nam truyền thống là :
- a) Hội tụ văn hoá vùng
 - b) Hội tụ văn hoá khu vực
 - c) Hội tụ văn hoá làng xã
 - d) Hội tụ văn hoá quốc tế
375. Sự khác nhau về chất giữa nhà nước phong kiến Việt Nam với nhà nước phong kiến Trung Hoa biểu hiện ở:
- a) Tư tưởng thân dân
 - b) Bình đẳng nam nữ
 - c) Pháp luật xử nghiêm quan tham
 - d) Tư tưởng trọng Nho giáo
376. Ở làng xã Việt Nam trước đây, luật pháp tồn tại dưới hình thức:
- a) Sử dụng chung bộ luật của nhà nước
 - b) Dựa theo ý kiến của lãnh đạo địa phương
 - c) Dựa theo ý kiến của quan tỉnh, quan huyện
 - d) Căn cứ vào quy ước tự nguyện giữa những người dân
377. Ở làng xã Việt Nam trước đây, luật pháp tồn tại dưới hình thức bộ luật.
- a) Đúng
 - b) Sai
378. Ở làng xã Việt Nam trước đây, luật pháp tồn tại dưới hình thức khế ước tự nguyện của dân làng.
- a) Đúng
 - b) Sai
379. Hàng năm, ở làng quê có tổ chức hội hè. Đó là hình thức sinh hoạt do:
- a) Phong tục, tập quán của cư dân địa phương
 - b) Quy định của nhà nước
 - c) Ảnh hưởng của các tôn giáo
 - d) Nhu cầu trao đổi hàng hoá
380. Triều đại đầu tiên vận dụng một cách có hệ thống mô hình nhà nước phong kiến Trung Hoa là:
- a) Đinh
 - b) Nguyễn
 - c) Lê

- d) Cả 3 đều sai
381. Sự khác biệt giữa nhà nước phong kiến Việt Nam thể hiện ở:
- Cơ chế vận hành quyền lực
 - Quan niệm về Tam cương
 - Quan niệm về Trời
 - Quan niệm về người quân tử
382. Trong mối quan hệ với hiện thực, người Việt coi trọng:
- Tính thực dụng
 - Tính thần bí
 - Tính siêu hình
 - Tính thực tiễn
383. Không thần bí, không siêu nhiên, xuất phát từ đời sống thực tế và hướng đến cuộc sống hiện hữu là cái gốc của bản sắc văn hoá Việt Nam. Đó là mệnh đề không chứng minh được.
- Đúng
 - Sai
384. Trong mối quan hệ với các nền văn hoá khác trên thế giới, văn hoá Việt có xu hướng:
- Tiếp thu có lựa chọn và Việt hoá tất cả các yếu tố ngoại nhập
 - Sao chép nguyên bản
 - Tiếp nhận tất cả và sử dụng trong một thời gian nhất định
 - Tiếp nhận tất cả và sử dụng tùy theo mức độ hấp dẫn của mỗi loại
385. Về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, nền văn hoá mới nhằm vào:
- Khẳng định và đề cao cá nhân
 - Khẳng định và đề cao tập thể
 - Xây dựng tập thể trong đó lấy cá nhân làm trung tâm
 - Xây dựng mối quan hệ hài hoà giữa cá nhân và tập thể
386. Nói một cách dễ hiểu nhất, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là:
- Giữ gìn những giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể
 - Giữ gìn những giá trị văn hoá được công nhận di sản văn hoá thế giới
 - Giữ gìn những giá trị văn hoá độc đáo mà các nước khác không có
 - Giữ gìn những giá trị văn hoá ngoại nhập đã được Việt hoá
387. Nói một cách khái quát nhất, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là:
- Giữ gìn những di sản văn hoá vật thể và phi vật thể
 - Giữ gìn những di sản văn hoá được công nhận di sản văn hoá thế giới
 - Giữ gìn các kiểu quan hệ ổn định mà dân tộc ta đã lựa chọn và duy trì qua hàng nghìn năm
 - Giữ gìn tiếng nói và chữ viết dân tộc
388. Cách tốt nhất trong ứng xử với văn hoá ngoại nhập là:
- Lựa chọn những yếu tố tích cực, tiến bộ để tiếp thu
 - Trung thành, không làm biến đổi văn hoá ngoại nhập
 - Hạn chế tối đa những yếu tố văn hoá ngoại nhập
 - Cả 3 đều sai.
389. Cách tốt nhất trong ứng xử với văn hoá truyền thống là:
- Duy trì và hiện đại hoá những yếu tố văn hoá có ảnh hưởng tốt đối với cuộc sống mới
 - Sàng lọc, loại bỏ những yếu tố văn hoá đang tồn tại cả 2 mặt: tốt và không tốt
 - Hạn chế những yếu tố văn hoá đang tồn tại cả 2 mặt: tốt và không tốt
 - a, c đều sai
390. Lối sống có văn hoá chỉ thể hiện trong thái độ ứng xử với môi trường xã hội, không xét đến ứng xử với môi trường tự nhiên.
- Đúng
 - Sai
391. Theo cách hiểu chung nhất, khái niệm văn hoá dùng để chỉ:
- Những gì có giá trị mà không thuộc về tự nhiên
 - Những gì có giá trị thuộc lĩnh vực vật chất
 - Những gì có giá trị thuộc lĩnh vực tinh thần
392. Tranh Đông Hồ được gọi là tranh điệp là do:
- Chất liệu màu

- b) Cách in tranh
 - c) Màu nền của tranh
 - d) Chất liệu giấy
393. Hệ thống âm nào dưới đây không có quãng 3 và quãng 7 :
- a) Họ, xư, xang, xê, công
 - b) Họ, xư, y, xang, xê, công, phan
 - c) Đồ, rê, mi, fa, sol, la, si
 - d) Cả 3 đều sai
394. Trong lễ bỏ mả của người Tây Nguyên, người ta thường làm mới:
- a) Nhà mồ
 - b) Nhà của gia đình người chết đang ở
 - c) Tượng của Giàng
 - d) Cả 3 đều sai
395. Tháp Chăm là một khối gạch không lồi, có không gian bên trong:
- a) Rộng và trên tường trang trí đẹp
 - b) Rộng và trên tường không trang trí
 - c) Hẹp và trên tường không trang trí
 - d) Hẹp và trên tường trang trí đẹp
396. Tháp Chăm là nơi:
- a) Táng thi hài các vị vua Chăm
 - b) Thờ ba vị thần gồm: Brahma, Visnu, Silva
 - c) Thờ hình tượng Linga và Yoni
 - d) Thờ rắn thần Naga
397. Người Chăm ở Việt Nam sô đồng theo các tôn giáo sau:
- a) Bà la môn, Hồi giáo
 - b) Bà la môn, Ki tô giáo
 - c) Hồi giáo, Phật giáo nguyên thủy
 - d) Hồi giáo, Ki tô giáo
398. Người Khmer Nam Bộ phần đông theo tôn giáo:
- a) Bà la môn
 - b) Cao Đài
 - c) Phật giáo Nam tông
 - d) Phật giáo Hoà Hảo
399. Người Hoa ở Nam Bộ phần đông thờ:
- a) Thiên Hậu, Quan Công
 - b) Thiên y a na, Bà Chúa xứ
 - c) Phật Thích ca, Quan thế âm Bồ Tát
 - d) Phật Di lặc, Nặc Tà (Neak Tà)
400. Âm nhạc truyền thống người Khmer không có sự hiện diện hệ ngũ âm.
- a) Đúng
 - b) Sai
401. Bộ ba gồm: Kèn Saranai, trống Ghi năng, trống Baranung là nhạc cụ của dân tộc:
- a) Khơ me
 - b) Chăm
 - c) Bana
 - d) Stiêng
402. Dù Kê và Dì Kê là hai thể loại sân khấu truyền thống của người:
- a) Khơ me
 - b) Chăm
 - c) Chơ ro
 - d) Stiêng
403. “Tiếng chày trên sóc Bom bo” là bài hát viết về hoạt động gĩa gạo của đồng bào:
- a) Khơ me
 - b) Chăm
 - c) Bana

- d) Stiêng
404. Dệt Mỹ Nghiệp là nghề truyền thống nổi tiếng của người:
- Khơ me
 - Bana
 - Stiêng
 - Chăm
405. Gốm Bầu Trúc là nghề truyền thống nổi tiếng của người:
- Khơ me
 - Bana
 - Stiêng
 - Chăm
406. Dọc ven biển miền Trung ngư dân thường lập đền để thờ cúng và gìn giữ bộ xương của:
- Cá Ông
 - Thuồng luồng
 - Rồng biển
 - Cả 3 đều sai
407. Hiện tượng người Việt Nam thờ bộ sinh thực khí là biểu hiện của niềm tin về:
- Tôn giáo
 - Tín ngưỡng
 - Cả 2 đều đúng
408. Vùng trồng cây ăn trái thuộc tỉnh Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long thường được gọi là:
- Miệt đồng
 - Miệt vườn
 - Miệt rừng
 - Miệt thứ
409. Phần đông người Nam Bộ dùng ghe xuồng để đi lại là vì:
- Họ không thích dùng các phương tiện khác
 - Đây là phương tiện đi lại an toàn nhất
 - Hệ thống sông rạch Nam Bộ chằng chịt, được nối thông nhau
 - Ở đây có nhiều vật liệu làm ghe xuồng
410. Hiện nay, khách du lịch tham quan vườn cây ăn trái ở Nam Bộ được ăn trái cây dọn lên bàn là do:
- Người dân quê Nam Bộ hiếu khách và phóng khoáng
 - Sản phẩm làm ra nhiều nhưng chuyên chở đi bán khó khăn
 - Phần trái cây đó đã được tính vào chi phí dịch vụ của toàn chuyến du lịch
 - Cơ sở du lịch muốn tiếp thị đặc sản địa phương
411. Bờm trong bài thơ “Thằng bờm” là nhân vật:
- Khờ khạo, không hiểu về giá trị và chênh lệch giá trị
 - Khôn ngoan nhưng không hiểu về giá trị và chênh lệch giá trị
 - Khờ khạo, chỉ thấy cái lợi nhỏ, không thấy cái lợi lớn
 - Khôn ngoan, hiểu rõ về giá trị và ngang giá trị
412. Chữ Trung (trong Tam cương) theo trí thức phong kiến Việt Nam là:
- Trong mọi trường hợp phải nghe theo vua
 - Không nghe theo vua nếu vua đi ngược quyền lợi và nguyện vọng dân tộc
 - Từ bỏ hoặc chống lại vua khi vua đi ngược quyền lợi và nguyện vọng dân tộc
413. Đại Hiếu theo trí thức phong kiến Việt Nam là:
- Lấy việc vâng lời và phụng dưỡng cha mẹ làm trọng
 - Lấy việc phụng sự nhân dân làm trọng
 - Lấy việc chu toàn gia đình làm trọng
 - Vừa chu toàn gia đình vừa biết vâng lời và phụng dưỡng cha mẹ
414. Chữ Nghĩa (trong Tam cương) theo trí thức phong kiến Việt Nam là:
- Trong mọi trường hợp phải nghe theo chồng
 - Nếu chồng không đủ tư cách và trách nhiệm thì có quyền từ bỏ
 - Nếu chồng có thêm vợ khác thì có quyền từ bỏ
415. Nội dung câu nói “Trung với nước, hiếu với dân” của Hồ Chí Minh thể hiện:
- Tư tưởng phát triển từ chủ nghĩa Mác-Lê nin

- b) Tư tưởng phát triển từ quan điểm tầng lớp trí thức phong kiến Trung Hoa
 c) Tư tưởng phát triển từ quan điểm tầng lớp trí thức phong kiến Việt Nam
 d) Tư tưởng kết hợp giá trị truyền thống dân tộc với tiến bộ thế giới
416. Nhà nước phong kiến Việt Nam tuyển số lượng quan võ ít hơn quan văn vì:
 a) Các quan võ dễ làm phản
 b) Quân đội đủ sức bảo vệ triều chính
 c) Toàn dân cùng tham gia vào sự nghiệp giữ nước
 d) Những người giỏi văn thường giỏi cả võ
417. Tư duy chính trị theo lối huyết thống, địa phương được đánh giá là:
 a) Cách tốt nhất để duy trì nhà nước bền vững mà không cần có điều kiện nào
 b) Cách tốt nhất để duy trì nhà nước bền vững nhưng cần có điều kiện cụ thể
 c) Cách gây ra bè phái, cục bộ, chia rẽ trong hệ thống chính trị
 d) Cách tập trung quyền lực tốt nhất để phát huy tính dân chủ
418. Nhóm cầu nào dưới đây được xem là xuất hiện sớm nhất:
 a) Cầu treo, cầu ván, cầu phao
 b) Cầu treo, cầu khí, cầu thân cây
 c) Cầu treo, cầu ván, cầu bằng đá
 d) Cầu treo, cầu khí, cầu ván
419. Loại cầu xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam là cầu treo.
 a) Đúng
 b) Sai
420. Tục kết chạ ở Bắc Bộ là:
 a) Tục kết làm anh em giữa một làng này với một làng khác
 b) Tục kết bạn làm ăn giữa một làng này với một làng khác
 c) Tục kết bạn làm ăn giữa phường nghề này với phường nghề khác
 d) Tục kết bạn vui chơi, hội hè giữa các làng với nhau
421. Đò ngang trong sinh hoạt đi lại truyền thống có đặc điểm:
 a) Đưa người dân theo hướng xuôi hoặc ngược một dòng sông
 b) Đưa người dân từ sông này qua một dòng sông khác
 c) Đưa người dân từ bờ bên này qua bờ đối diện
 d) Đưa người dân lên bến sông phía thượng lưu hoặc xuống bến sông phía hạ lưu
422. Tháng Chạp được gọi là tháng củ mật vì:
 a) Người dân mua và trữ nhiều loại rau củ, mật ong để ăn tết
 b) Người dân thân mật kể cho nhau nghe nhiều chuyện đã qua trong năm
 c) Người dân nhắc nhau giữ gìn của cải, tài sản cẩn thận kéo bị mất cắp
 d) Người dân nói cho vui miệng trong những ngày chuẩn bị tết đến
423. Câu nói “Phép vua thua lệ làng” có nghĩa là:
 a) Luật pháp triều đình thua các quy ước của làng xã
 b) Luật pháp triều đình yếu hơn các quy ước của làng xã
 c) Luật pháp triều đình không thể áp dụng ở các làng xã
 d) Luật pháp triều đình phải chấp nhận quyết định của tập thể làng xã

II/ PHẦN CÂU HỎI ĐIỀN THẾ

Hướng dẫn: Điền vào chỗ trống nội dung thích hợp nhất. Càng ngắn gọn càng tốt.

424. Văn hoá là.....
425. Văn hoá vật thể là
426. Văn hoá phi vật thể là
427. Sơ đồ về quá trình hình thành tộc người Việt:
428. Văn hoá Việt Nam phát triển qua những giai đoạn:
429. Những giai đoạn văn hoá Việt Nam được xếp thành 3 lớp gồm:
430. Các tiêu chí để xác định thuộc tính âm dương của một vật là:
431. Theo triết lý Âm Dương, phần nhỉnh (lớn) hơn phần.....theo tỷ lệ.....
432. Theo triết lý Âm Dương, nếu (vũ tr?) hoàn toàn dương thì sẽ bị.....nếu hoàn toàn âm thì.....
433. Điền thêm để hoàn chỉnh một hướng phát triển của triết lý Âm Dương:

- Vô cực->Thái cực->Lưỡng Nghi->.....->Bát Quái->.....quẻ-> 384 hào -> Biến hoá vô cùng
- 434.Các quẻ trong Bát Quái gồm có:
- 435.Kinh Dịch có quẻ. Mỗi quẻ có hào, gọi là quẻ.....
- 436.Nguyên lý âm dương trong Tam Tài:
- 437.Điền thêm để hoàn chỉnh một hướng phát triển của triết lý Âm Dương:
Hỗn mang -> Âm Dương ->.....-> Ngũ Hành ->.....
- 438.Mô hình Tam Tài gồm:
- 439.Lịch của người Nam Á cổ đại là loại:
- 440.Lịch của người Xume cổ đại là loại:
- 441.Lịch của người Ai Cập cổ đại là loại:
- 442.Cứ 3 năm có một năm nhuận là lịch:
- 443.Mô hình Ngũ Hành gồm:
- 444.Hành (trong Ngũ Hành) là:
- 445.Tứ bát tử trong văn hoá Việt là
- 446.Tứ Diệu đế trong Phật giáo gồm
- 447.Tam tạng trong Phật giáo là
- 448.Tam bảo trong Phật giáo gồm
- 449.Tam cương trong Nho giáo là:
- 450.Tam tông, Tứ đức trong Nho giáo là:
- 451.Mẫu người quân tử của Nho giáo có đặc điểm:
- 452.Brahma trong Bà la môn giáo là một thể 3 ngôi gồm:
- 453.Ý nghĩa triết học của Linga một thành phần trong văn hoá Chăm là:
- 454.Ý nghĩa triết học của Linga hai thành phần trong văn hoá Chăm là:
- 455.Ý nghĩa triết học của Linga ba thành phần trong văn hoá Chăm là:
- 456.Ngũ tạng gồm:
- 457.Lục phủ gồm:
- 458.Trong ngũ tạng, tạng..... giữ vai trò quan trọng nhất.
- 459.Nguyên lý âm dương trong Ngũ Hành:
- 460.Việt Nam có địa chỉ văn hoá được UNESCO công nhận là di sản thế giới. Đó là:
- 461.Việt Nam có 6 vùng văn hoá. Đó là:
- 462.Vùng văn hoá Bắc bộ có đặc điểm:
- 463.Vùng văn hoá Nam bộ có đặc điểm:
- 464.Vùng văn hoá Tây Bắc có đặc điểm:
- 465.Vùng văn hoá Tây nguyên có đặc điểm:
- 466.Vùng văn hoá Trung bộ có đặc điểm:
- 467.Vùng văn hoá Việt Bắc có đặc điểm:
- 468.Theo thuật phong thủy, thế đất tốt là nơi:
- 469.Trong các nghi lễ làm nhà của người Việt, có 2 nghi lễ khó có thể bỏ qua là:
- 470.Nhà ở truyền thống Việt Nam có đặc điểm:
- 471.Cách ăn truyền thống Việt Nam có đặc điểm:
- 472.Cách mặc truyền thống Việt Nam có đặc điểm:
- 473.Điền thêm để hoàn chỉnh hệ tôn ty của người Việt: Cụ/ Kị - - Ông - Cha - Tôi - Con – Cháu -
..... – Chút.
- 474.Điền thêm để hoàn chỉnh hệ tôn ty của người Trung Hoa: Cao tăng tổ - - Tổ phụ - Phụ - -
Ngã- Tử -Tôn - - Huyền tôn
- 475.Bảng gồm những quy ước riêng của mọi người trong một làng xã gọi là:
- 476.Đặc trưng văn hoá làng xã trước đây là:
- 477.Biểu trưng của làng xã trước đây là.....
- 478.Quản lý hành chính ở làng xã trước đây chủ yếu bằng hai loại sổ. Đó là:
- 479.Phường ở làng xã trước đây là một tổ chức:
- 480.Hội ở làng xã trước đây là một tổ chức:
- 481.Đô thị Việt Nam trước đây có đặc điểm:
- 482.Điền thêm yếu tố về sự chuyển đổi văn hoá Việt Nam trong hiện tại và tương lai:
Triết lý âm Dương ->
- 483.Điền thêm yếu tố về sự chuyển đổi văn hoá Việt Nam trong hiện tại và tương lai:

Tin vào tôn giáo, tín ngưỡng ->

484.Điền thêm yếu tố về sự chuyển đổi văn hoá Việt Nam trong hiện tại và tương lai:

Nhà sàn ->

485.Điền thêm yếu tố về sự chuyển đổi văn hoá Việt Nam trong hiện tại và tương lai:

Con trâu ->

486.Điền thêm yếu tố về sự chuyển đổi văn hoá Việt Nam trong hiện tại và tương lai:

Coi trọng kinh nghiệm ->

487.Điền thêm yếu tố về sự chuyển đổi văn hoá Việt Nam trong hiện tại và tương lai:

Coi trọng tập thể ->

488.Những điểm tích cực tiên bộ của nhà nước phong kiến Việt Nam là:

489.Theo anh (chị), chất phương Đông trong văn hoá phương Đông là:

490.Theo anh (chị), bản sắc văn hoá là:

491.Theo anh (chị), bản sắc văn hoá Việt Nam là:

492.Theo tinh thần nghị quyết TW lần thứ V của Đảng CSVN, văn hoá là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế- xã hội. Đó là một nền văn hoá

III/ PHẦN CÂU HỎI LUẬN ĐỀ

493.Dùng phương pháp khoa học để làm rõ: văn hoá Việt Nam là nền văn hoá nông nghiệp lúa nước.

494.Tại sao nói: “Cây lúa nước cột người nông dân lại với nó đồng thời cột những người nông dân lại với nhau”?

495.Tại sao nói điều kiện địa lý quy định nghề trồng lúa nước của cư dân Lạc Việt?

496.Trình bày những nét chủ yếu của tiến trình văn hoá Việt Nam. (Trình bày theo các lớp, các giai đoạn của văn hoá Việt Nam)

497.Nêu các vùng văn hoá Việt Nam và trình bày tiêu chí phân tích đặc điểm của một vùng văn hoá.

498.Những hiểu biết của anh (chị) về một trong các vùng văn hoá Việt Nam.

499.Trình bày những hiểu biết của anh(chị) về triết lý âm dương và tín ngưỡng phồn thực. (Hoặc: Phân biệt triết lý Âm Dương và tín ngưỡng phồn thực). Gợi ý:

a) Bản chất triết lý âm dương.

b) Bản chất tín ngưỡng phồn thực.

c) So sánh, chỉ ra sự khác nhau giữa triết lý âm dương và tín ngưỡng phồn thực.

d) Kết luận.

500.Trình bày những hiểu biết của anh (chị) về Ngũ Hành. (Nguyên lý âm dương, ứng dụng)

501.Quan điểm của anh, chị về không gian văn hoá Việt Nam.

502.Vẽ lại Hà Đồ và giải thích một cách khái lược về cấu tạo, bí ẩn của nó.

503.Vẽ lại Lạc Thư và giải thích một cách khái lược về cấu tạo, bí ẩn của nó.

504.Nêu đặc điểm đời sống tâm linh của người Việt.

505.Sự khác nhau cơ bản giữa âm nhạc dân tộc và âm nhạc phương Tây về nhạc luật, nhạc cụ.

506.Các loại hình sân khấu Việt Nam truyền thống, vài nét về sân khấu rối nước.

507.Những nét nổi bật về nghệ thuật ngôn từ của người Việt. (Nêu và giải thích ngắn gọn)

508.Các dòng tranh Việt Nam truyền thống. Nêu vài nét về tranh Đông Hồ.

509.Mô hình Tam Tài và nguyên lý âm dương trong mô hình Tam Tài.

510.Mô hình Ngũ Hành và nguyên lý âm dương trong mô hình Ngũ Hành

511.Âm Dương Ngũ Hành và thuật phong thủy phương Đông.

512.Mô hình Tam Tài trong cấu trúc nhà ở Việt Nam. Dựa vào mô hình đó, thử đề xuất và mô tả kiểu nhà "sống chung với lũ" ở đồng bằng sông Cửu Long.

513.Phân tích đặc điểm cấu tạo của nhà sàn để chứng minh rằng điều kiện địa lý quy định điều kiện sống của cư dân Nam Á.

514.Suy nghĩ của anh(chị) về gia đình của người Việt.

515.Sự hình thành đô thị và đặc điểm sắc diện văn hoá đô thị Việt Nam trước đây

516.Trên cơ sở nêu và phân tích một số dẫn chứng, anh(chị) hãy chứng minh rằng: Điều kiện địa lý quy định điều kiện sống của người Việt (biểu hiện trong cách ăn, trong cách mặc, trong cách đi lại).

517. Trình bày những hiểu biết của anh (chị) về văn hoá ẩm thực của người Việt (cơ cấu bữa ăn truyền thống, cách lựa chọn, chế biến thức ăn, những yếu tố khác về cách thức ăn, quan niệm về cái ăn, những loại thức uống, đặc điểm mỗi loại).
518. Nêu nhận xét về cách ăn uống của người Việt từ truyền thống đến hiện đại.
519. Nêu những nguyên tắc trong tổ chức nông thôn Việt Nam trước đây. Phân tích một nguyên tắc mà anh (chị) cho là quan trọng nhất.
520. Thuộc tính của nông thôn Việt Nam trước đây, nêu tính hai mặt của các thuộc tính đó.
521. Trình bày hai thuộc tính cơ bản của nông thôn Việt Nam.
- Tính cộng đồng (cơ sở hình thành, biểu tượng, nội dung, hệ quả tốt và hệ quả xấu).
 - Tính tự trị (cơ sở hình thành, biểu tượng, nội dung, hệ quả tốt và hệ quả xấu).
- Từ hai thuộc tính trên, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về công tác văn hoá ở nông thôn Việt Nam trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
522. So sánh đô thị Việt Nam trước đây với đô thị phương Tây. (Quá trình hình thành, chức năng, sắc diện văn hoá, xu hướng phát triển ...)
523. Quan điểm của anh (chị) trong ứng xử với văn hoá ngoại nhập.
524. Quan điểm của anh (chị) trong ứng xử với văn hoá truyền thống.
525. Trên cơ sở nêu và phân tích một số hiện tượng văn hoá, hãy làm rõ thế nào là hủ tục và thế nào là mỹ tục.
526. Suy nghĩ của anh(chị) về hiện tượng Văn hoá Hồ Chí Minh.
527. Tìm những tư liệu văn hoá để làm rõ nhận định: "Xuất phát từ đời sống thực tế và hướng đến cuộc sống hiện hữu là cái gốc của bản sắc văn hoá Việt Nam."
528. Suy nghĩ của anh(chị) về cụm từ "bản sắc văn hoá" và "bản sắc văn hoá Việt Nam"
529. Suy nghĩ của anh(chị) về việc giữ gìn bản sắc văn hoá Việt Nam.
530. Suy nghĩ của anh(chị) về câu nói: "Người phương Đông cần có chất Phương Đông".

???

*** CHÚ Ý:**

- Để trả lời các câu hỏi, sinh viên cần đọc các sách đã giới thiệu.
- Các câu hỏi để ôn tập, không nên xem đây sẽ là những câu hỏi của đề thi giữa học phần hoặc đề thi hết môn.